UBND PHƯỜNG DƯƠNG NỘI
**TRƯỜNG TH VÀ THCS LÔMÔNÔXÓP TÂY HÀ NỘI**

# KẾ HOẠCH NHÀ TRƯỜNG

## Năm học 2026 - 2027

Tháng 9/2026

UBND PHƯỜNG DƯƠNG NỘI
**TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ THCS LÔMÔNÔXỐP TÂY HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:140/KH-LCLMNX

*Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2026*

# KẾ HOẠCH
## Giáo dục của nhà trường năm học 2026 - 2027

## I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

**-Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;**

- Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học.

**- Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học.**

- Thông tư số 32/2018 TT- BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư 20/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi bổ sung Điều 3 Thông tư 32/2010/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

- Thông tư 04/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. Thông tư số 39/2009/TT-BGDĐT ngày 29/12/2009 của Bộ GDĐT ban hành quy định giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Công văn số 5814/BGDĐT-GDTrH ngày 07/12/2017 về tổ chức các cuộc thi dành cho học sinh phổ thông từ năm học 2017-2018. Công văn số 115/BGDĐT-GDTrH ngày 10/01/2025 của BGDĐT về triển khai thí điểm học bạ số cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên; Công văn số 119/BGDĐT-GDTH ngày 10/01/2025 của BGDĐT hướng dẫn thực hiện Học bạ số cấp tiểu học; Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02/4/2025 của BGDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai Học bạ số; Kế hoạch số 1571/KH-SGDĐT ngày 14/5/2025 của Sở GDĐT Hà Nội về Triển khai thực hiện Học bạ số cấp Tiểu học.

**- Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên; Công văn số 3899/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024 về việc hướng dẫn triển khai giáo dục kỹ năng công dân số ở cấp tiểu học; Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ GDĐT Quy định Khung năng lực số cho người học; Kế hoạch số 595/KH-BGDĐT ngày 19/5/2025 của Bộ GDĐT về Tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý, giảng dạy cho nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục năm 2025.**

- Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học; Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học; Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động tin học ở cấp tiểu học; Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/3020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2; Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học; Công văn số 5335/BGDĐT-GDTH ngày 12/10/2022 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học lớp ghép cấp tiểu học; Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học; Công văn số 4060/BGDĐT-GDPT ngày 17/7/2025 về việc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông năm học 2025 -2026.

Nghị định 86/2018/NĐ-CP ngày 06/06/2018 quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (đối với các cơ sở giáo dục tư thục); Thông tư số 04/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 về quy định một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định 202/NĐ-CP ngày 11/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết về điều kiện, trình tự, thủ tục, chương trình giáo dục, việc cấp văn bằng, chứng chỉ thực hiện liên kết giáo dục, giảng dạy chương trình giáo dục tích hợp đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội.

**-Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026.**

- Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học; Thông tư số 19/2022/TT-BGDĐT ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường cao đẳng;

- Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017 - 2018;

- Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nội dung điều chỉnh dạy học cấp THCS, THPT;

- Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

- Thông tư số 09/202UTT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

**- Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;**

- Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

**- Nghị quyết số 84/2026/NQ-HĐND ngày 15/7/2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định cơ chế hỗ trợ bữa ăn bán trú cho học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2026-2027;**

- Công văn 5636/BDGĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xây dựng kế hoạch dạy học các môn KHTN, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp;

- Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT ngày 03/06/2024 về quy định trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

**- Quyết định số 2308/QĐ-BGDĐT ngày 06/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học**

**đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;**

**- Thông tư 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Điều lệ chung cho trường tiểu học, trường trung học cơ sở (THCS), trường trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học;**

- Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026 - 2027;

- Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 05/8/2026 của Chính phủ về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2026-2027;

**- Quyết định số 2308/QĐ-BGDĐT ngày 06/8/2026 của Bộ GDĐT về Khung kế hoạch thời gian năm học 2026-2027 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;**

**- Công văn số 5208/BGDĐT-GDTrH ngày 7/8/2026 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026-2027;**

**- Công văn 21/CT-UBND ngày 25/8/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2026 – 2027 trên địa bàn thành phố Hà Nội;**

**-Công văn số 4773/KH-SGDĐT ngày 09/9/2026 của Sở GDĐT Hà Nội về Kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm học 2026-2027 đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông;**

- Căn cứ điều kiện thực tế, Trường TH và THCS Lômônôxốp Tây Hà Nội xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2026 - 2027 cụ thể như sau:

## II. ĐẶC ĐIỂM - TÌNH HÌNH

### 1. Môi trường bên ngoài

#### 1.1. Thời cơ

- Được sự quan tâm giúp đỡ, chỉ đạo của Chủ tịch hội đồng trường, Hội đồng Quản trị Hệ thống Liên cấp; chính quyền địa phương phường Dương Nội;

- Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về nhiệm vụ năm học rõ ràng, cụ thể và kịp thời để nhà trường nắm bắt và thực hiện;

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên nhiệt tình, trách nhiệm, được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm tốt;

- Công nghệ số phát triển mạnh, thuận lợi cho việc tuyên truyền về việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới đặc biệt là ứng dụng vào công tác quản

lý và dạy học;

- Cơ sở vật chất khang trang, cơ bản đầy đủ các phòng chức năng có đủ điều kiện để dạy học, làm việc và giáo dục thể chất, nghệ thuật...

**1.2. Thách thức:**

- Mới năm thứ 2 vận hành bộ máy quản lí chính quyền địa phương 2 cấp, chuyên viên giáo dục cấp phường còn thiếu kinh nghiệm chuyên môn chỉ đạo bậc THCS;

-Đã và đang diễn ra cuộc sáp nhập rộng lớn các cơ sở giáo dục dẫn đến nhiều thay đổi về chỉ đạo chuyên môn và quản trị trường học.

- Thay đổi hầu hết địa danh trong các tài liệu, sách giáo khoa được xuất bản hiện hành;

- Công văn, tài liệu từ cấp trên chuyển về có lúc còn chậm và gấp;

- Công nghệ số phát triển rất nhanh chóng, khó khăn trong cách tiếp cận cả về tài chính và giải pháp kĩ thuật, nhân lực.

**2. Môi trường bên trong**

* Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (CBQL, GV, NV):

| Diễn giải | Ban Giám Hiệu | Giáo viên | Nhân viên | Bảo vệ | Lao công | Tổng toàn trường | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Số lượng | 03 | 95 | 61 | 02 | 05 | 166 | |
| | | | | | | | |
| Cơ hữu | 03 | 93 | 61 | 02 | 05 | 164 | HĐ trên 1 năm |
| Hợp đồng | | 02 | | | | 02 | |
| Nữ | 01 | 85 | 46 | | 05 | 137 | |
| Đảng viên | 01 | 05 | 03 | | | 09 | |
| Dân tộc thiểu số | | 01 | | | | 01 | |
| Nữ dân tộc thiểu số | | 01 | | | | 01 | |
| Độ tuổi TB | 60 | 30 | 40 | 64 | 50 | 37 | |
| **Trình độ chuyên môn** | | | | | | | |
| Trên Đại học | | 15 | 02 | | | 16 | |
| Đại học | 03 | 80 | 20 | | | 103 | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao đẳng | | 0 | 03 | | | 03 | |
| Trung cấp CN | | | 09 | | | 09 | |
| **Số lượng GVDG** | | | | | | | |
| Cấp Phường trở lên | | 07 | | | | 07 | |
| Cấp Thành phố | | | | | | | |

- Số tổ, khối (nhóm) chuyên môn; Trong đó:

+ Khối 1: 05 người;

+ Khối 2: 05 người;

+ Khối 3: 05 người;

+ Khối 4: 05 người;

+ Khối 5: 05 người;

+ Tổ Tiếng Anh Tiểu học: 12 người;

+ Tổ KHXH: 13 người;

+ Tổ KHTN: 15 người;

+ Tổ Tiếng Anh THCS: 10 người;

+ Tổ Năng khiếu: 20 người;

+ cấp Tiểu học: 49 người, tỉ lệ GV / lớp: 1.96 GV/lớp

+ cấp THCS: 44 người, tỉ lệ GV / lớp: 2.2 GV/lớp

* Đánh giá về trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm của đội ngũ CB, GV, NV:

+ 100 % CBQL, GV có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn;

+ 100 % trình độ chuyên môn nghiệp vụ sư phạm;

+ Độ tuổi trung bình của giáo viên là 30, độ tuổi rất trẻ, có nhiều ưu thế trong việc tiếp cận cái mới nhưng cũng có hạn chế là thiếu kinh nghiệm.

+ Về cơ bản, CB, GV, NV đều nhiệt tình, tự giác, cầu thị và nhạy bén với sự đổi mới.

- Số giáo viên thừa (thiếu): 0;

- Còn thiếu 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn cấp THCS;

* Tình hình cơ sở vật chất:

| STT | Phòng | Cấp Tiểu học | Cấp THCS | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| Tổng số phòng: 76 | | | | |
| 1 | Phòng học | 25 | 20 | |
| Phòng chức năng | | | | |
| 2 | Phòng bộ môn KHTN (Vật lí) | | 01 | |
| 3 | Phòng bộ môn KHTN (Hóa học) | | 01 | |
| 4 | Phòng bộ môn KHTN (Sinh học) | | 01 | |
| 5 | Phòng Tin học | 01 | 01 | |
| 6 | Phòng học bộ môn Ngoại ngữ | 02 | 02 | |
| 7 | Phòng Nghệ thuật (Âm nhạc) | 01 | 01 | |
| 8 | Phòng Nghệ thuật (Mĩ thuật) | 01 | 01 | |
| 9 | Phòng STEM | | 01 | |
| 10 | Phòng Tư vấn tâm lí học đường | 01 | | Dùng chung |
| 11 | Kho thiết bị dùng chung | 01 | | Dùng chung |
| 12 | Văn phòng nhà trường | 01 | | Dùng chung (gồm văn thư, tài chính, truyền thông, tuyển sinh, khảo thí) |
| 13 | Phòng giáo viên | 02 | 04 | |
| 14 | Phòng đoàn thể | 01 | | Dùng chung |
| 15 | Phòng Đội | 01 | | Dùng chung |
| 16 | Phòng Y tế | 01 | | Dùng chung |
| 17 | Phòng Hiệu trưởng | 01 | | Dùng chung |
| 18 | Phòng Phó Hiệu trưởng | 02 | | Dùng chung |

| STT | Phòng | Cấp Tiểu học | Cấp THCS | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 19 | Thư viện | 01 | | Dùng chung |
| 20 | Nhà đa năng | 01 | | Dùng chung |
| 21 | Sân tập TDTT | 04 | | 2800 $m^2$ |
| 22 | Tổng diện tích đất sử dụng | | | 13.494$m^2$ |

* Đánh giá chung về tình hình cơ sở vật chất:

- CSVC tốt, trường khang trang, sạch đẹp, đảm bảo môi trường sư phạm, các thiết bị được mua sắm hoàn toàn mới (tuy chưa thể đầy đủ) phục vụ cho CT GDPT 2018.

- Có hệ thống nước sạch, hệ thống dẫn nước và thiết bị trong các khu vệ đều đảm bảo vệ sinh. Các hành lang đều đặt cây nước uống Lavie đảm bảo nước sạch để HS uống;

- Các phòng học có đầy đủ bàn ghế, điều hòa, quạt mát và máy chiếu, CSVC khang trang, sạch đẹp để giáo dục HS toàn diện và đảm bảo cho việc thực hiện chương trình GDPT 2018; nhiều phòng đã được lắp đặt camera an ninh.

- Bếp ăn và phòng ăn có diện tích 590 m2 (3 tầng) phục vụ cho HS bán trú 2 bữa/ngày. Trang thiết bị của bếp ăn đẹp, sạch, an toàn. Bữa ăn có định lượng theo suất đảm bảo ATTP và đảm bảo dinh dưỡng cho HS. Trường có phòng ngủ nam, nữ riêng; đã sử dụng phần mềm Hanoi Check để quản lí giám sát bữa ăn của HS.

- Khu vệ sinh của GV và HS riêng biệt, có nhà vệ sinh nam – nữ riêng;

- Các đồ dùng phục vụ cho việc ăn, ngủ của HS được vệ sinh thường xuyên, sạch sẽ và phù hợp;

- Quang cảnh trường sạch đẹp, có cây xanh, có tường rào bao quanh an toàn, có hệ thống camera an ninh theo dõi 24/24; là môi trường trường học an toàn.

- Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, trường còn thiếu phòng dạy học STEM và công nghệ cao.

* Học sinh:

- Tiểu học

| Khối | Số lớp | TS HS | Nữ | HS học 2 buổi/ngày | | HS ăn bán trú | | Học sinh khuyết tật | | Tỷ lệ H/S hoàn | Dự kiến Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | |

| | | | | Số lớp | Số HS | Số lớp | Số HS | Tổng số | Số HS có hồ sơ KT | thành CT lớp học | H/S chưa hoàn thành CT lớp học |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 5 | 163 | 97 | 5 | 163 | 5 | 163 | 0 | 0 | 100% | 0 |
| 2 | 5 | 160 | 81 | 5 | 160 | 5 | 160 | 0 | 0 | 100% | 0 |
| 3 | 5 | 140 | 73 | 5 | 140 | 5 | 140 | 0 | 0 | 100% | 0 |
| 4 | 5 | 149 | 75 | 5 | 149 | 5 | 149 | 0 | 0 | 100% | 0 |
| 5 | 5 | 151 | 88 | 5 | 151 | 5 | 151 | 0 | 0 | 100% | 0 |
| **Tổng** | **25** | **763** | **414** | **25** | **763** | **25** | **763** | **0** | **0** | **100%** | **0** |

* Lớp học tình thương: Số lớp: 0 Số học sinh: 0.

* Tổng số học sinh là con thương binh, con liệt sỹ: 0

* Tổng số học sinh có sổ hộ nghèo: 0, cận nghèo:0

* Tổng số học sinh là con dân tộc: 06 Nữ: 04

- Cấp THCS:

| Nội dung | Khối 6 | Khối 7 | Khối 8 | Khối 9 | Toàn cấp |
|---|---|---|---|---|---|
| Tổng số lớp | 5 | 6 | 5 | 4 | **20** |
| Tổng số học sinh | 148 | 169 | 147 | 118 | **582** |
| **Trong đó:** - Số HS lưu ban | 0 | 0 | 0 | 0 | **0** |
| - Bình quân số HS/lớp | 29 | 28 | 29 | 29 | **29** |
| - Học sinh nữ | 61 | 72 | 67 | 51 | **251** |
| - Con liệt sỹ | 0 | 0 | 0 | 0 | **0** |
| - Con thương bệnh binh | 0 | 0 | 0 | 0 | **0** |
| - Số HS thuộc hộ nghèo | 0 | 0 | 0 | 0 | **0** |
| - Dân tộc thiểu số | 2 | 9 | 1 | 1 | **13** |
| - Nữ dân tộc thiểu số | 0 | 2 | 0 | 1 | **3** |
| - Số HS khuyết tật | 0 | 0 | 0 | 0 | **0** |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| - Số HS bỏ học (So với cuối năm học trước) | 0 | 0 | 0 | 0 | **0** |
| - Số học sinh học 2 buổi/ngày (có bán trú) | 148 | 169 | 147 | 118 | **582** |
| - Số học sinh ăn bán trú | 148 | 169 | 147 | 118 | **582** |

* Nhận xét chung tình hình học sinh: Đa số học sinh chăm ngoan, có ý thức trong học tập, thực hiện tốt nội quy, quy định của nhà trường. Số học sinh hàng năm tăng, bình quân sĩ số học sinh trên lớp hầu hết đạt ở mức độ tối đa theo quy định. So với năm học trước số học sinh tăng thêm 06 học sinh.

**2.1. Điểm mạnh của nhà trường**

- Nhà trường nằm trong lô D33, khu đô thị Geleximco, phường Dương Nội, được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm học 2020 - 2021, trường khá khang trang, sạch đẹp có đầy đủ phòng học, các phòng chức năng, bộ môn...;

- Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường nhiệt tình với công việc, tâm huyết với nghề có tinh thần trách nhiệm cao. 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn;

- Đội ngũ giáo viên có đầy đủ giáo viên các bộ môn, trừ môn Giáo dục địa phương; đội ngũ giáo viên có năng lực, có trình độ đạt chuẩn là 100% chuyên môn vững vàng, có bề dầy kinh nghiệm; giáo viên trẻ, nhiệt tình, năng động tiếp cận những phương pháp mới, chương trình mới;

- Đội ngũ nhân viên - bán trú tận tâm, tận tình;

- Học sinh ở rải rác trên khắp địa bàn Hà Nội; phần lớn học sinh ngoan, có ý thức học tập, chấp hành tốt nội qui nhà trường;

- Đa số cha mẹ học sinh quan tâm, ủng hộ nhiệt tình;

- Cơ sở vật chất khang trang, có khá đầy đủ các phòng chức năng, có đủ điều kiện để dạy học, làm việc và giáo dục thể chất, nghệ thuật;

**2.2. Điểm yếu**

- Đa số giáo viên là nữ, nhiều đồng chí nhà xa, một số đồng chí sức khoẻ hạn chế, một số đang độ tuổi sinh đẻ và nuôi con nhỏ nên ít nhiều ảnh hưởng đến công việc;

- Thường xuyên có di biến động về nhân sự (đặc điểm chung của hệ thống giáo dục tư thục) nên ảnh hưởng việc nâng cao chất lượng chuyên môn (thiếu tính ổn định).

- Lực lượng giáo viên trẻ còn thiếu kinh nghiệm khi xử lí tình huống đột xuất.

- Chương trình GDPT 2018 có nhiều thay đổi, thiếu giáo viên đào tạo cơ bản để dạy môn Giáo dục địa phương; các giáo viên môn Khoa học tự nhiên chưa được đào tạo bài bản mà chỉ có chứng chỉ.

- Trình độ tiếng Anh của giáo viên ngoài tổ tiếng Anh còn hạn chế.

## III. ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

### 1. Tầm nhìn

Trường TH và THCS Lômônôxốp Tây Hà Nội là một trường chuẩn mực và năng động, nơi học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn có khát vọng học tập suốt đời, biết tư duy độc lập và sáng tạo để nâng cao giá trị bản thân, góp phần xây dựng hệ thống Lômônôxốp phát triển.

### 2. Sứ mệnh

- Xây dựng hệ thống giáo dục chất lượng, hiện đại xuyên suốt từ bậc học Mầm non đến THPT;

- Mang tới những giá trị bền vững và tốt đẹp cho cộng đồng. Trở thành một hệ thống giáo dục uy tín trong nước.

### 3. Hệ thống giá trị cốt lõi

- 7 giá trị cốt lõi: Đạo đức, tri thức, sức khỏe, hội nhập, trung thực, tự lập, sáng tạo

## IV. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

### 1. Mục tiêu chung

- Giáo dục và rèn luyện học sinh trở thành những công dân tương lai mạnh về thể chất, sáng về trí tuệ, giàu có về tâm hồn, có kỹ năng sống tốt, biết tự học, có tinh thần trách nhiệm và nỗ lực sáng tạo không ngừng tạo dựng cuộc sống tương lai và góp phần xây dựng quê hương đất nước;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường bảo đảm yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (sau đây gọi là chương trình) linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và nhà trường;

- Phát huy tính chủ động, sáng tạo của Ban Giám hiệu, tổ chuyên môn và giáo viên trong việc thực hiện chương trình; khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện các phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường; bảo đảm tính dân chủ, thống nhất giữa các tổ chuyên môn và các tổ chức đoàn thể, phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có

liên quan trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

**2. Mục tiêu cụ thể**

**2.1. Mức độ phẩm chất, năng lực học sinh sẽ đạt được sau khi kết thúc chương trình năm học**

- Trang bị cho học sinh các kiến thức về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Chú trọng năng lực vận dụng kiến thức khoa học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đáp ứng nhu cầu cuộc sống hiện tại và tương lai một cách linh hoạt;

- Tổ chức các hoạt động thể thao, văn hóa nghệ thuật và các hoạt động khác để phát huy tối đa năng khiếu và năng lực của từng cá nhân học sinh;

- Tổ chức các hoạt động giáo dục, dạy kỹ năng sống, giá trị sống, các hoạt động giáo dục theo chủ đề để hình thành và phát triển nhân cách cho học sinh;

- Phối hợp các hoạt động giáo dục và đào tạo của Nhà trường nhằm làm cho học sinh tốt nghiệp cấp Tiểu học, THCS có năng lực tự học, năng lực tư duy, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, biết cảm thụ cái đẹp, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, giao tiếp thuyết phục và cuối cùng học sinh có lý tưởng sống "Trách nhiệm - Trung thực - Đoàn kết - Sáng tạo - Cống hiến".

**2.2. Chỉ tiêu (Số lượng, chất lượng các hoạt động giáo dục nhà trường cam kết thực hiện trong năm học)**

**a. Cấp Tiểu học**

*** Học sinh**

**- Đánh giá kết quả học tập các môn học đối với lớp 1, 2, 3, 4, 5 (theo TT27/2020/TT- BGDĐT)**

| TT | Môn học | TS HS được đánh giá | Hoàn thành Tốt | | Hoàn thành | | Chưa hoàn thành | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ |
| 1 | Tiếng Việt | 763 | 622 | 81.52 | 141 | 18.48 | 0 | 0 |
| 2 | Toán | 763 | 636 | 83.36 | 127 | 16.64 | 0 | 0 |
| 3 | Đạo đức | 763 | 632 | 82.83 | 131 | 17.17 | 0 | 0 |
| 4 | Tự nhiên và Xã hội (lớp 1,2,3) | 463 | 394 | 85.10 | 69 | 14.90 | 0 | 0 |
| 5 | Âm nhạc | 763 | 610 | 79.95 | 153 | 20,05 | 0 | 0 |
| 6 | Mĩ thuật | 763 | 535 | 70.12 | 228 | 29.88 | 0 | 0 |

| TT | Môn học | TS HS được đánh giá | Hoàn thành Tốt | | Hoàn thành | | Chưa hoàn thành | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ |
| 7 | Thể dục | 763 | 610 | 79.95 | 153 | 20,05 | 0 | 0 |
| 8 | HĐTN | 763 | 652 | 85.45 | 111 | 14.55 | 0 | 0 |
| 9 | Tin học (lớp 3,4,5) | 440 | 308 | 70.00 | 132 | 30.00 | 0 | 0 |
| 10 | Công Nghệ (lớp 3,4,5) | 440 | 374 | 85.00 | 66 | 15.00 | 0 | 0 |
| 11 | Tiếng Anh (lớp 3,4,5) | 440 | 336 | 76.36 | 104 | 23.64 | 0 | 0 |

**- Đánh giá về phẩm chất năng lực đối với lớp 1, 2, 3, 4, 5**

**Những phẩm chất chủ yếu**

| Nội dung phẩm chất | TS HS được đánh giá | Xếp loại | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | | Đạt | | Cần cố gắng | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % |
| Yêu nước | 763 | 763 | 100.00 | 0 | 0.00 | 0 | 0 |
| Nhân ái | 763 | 741 | 97.12 | 22 | 2.88 | 0 | 0 |
| Chăm chỉ | 763 | 665 | 87.16 | 98 | 12.84 | 0 | 0 |
| Trung thực | 763 | 712 | 93.32 | 51 | 6.68 | 0 | 0 |
| Trách nhiệm | 763 | 686 | 89.91 | 77 | 10.09 | 0 | 0 |

**Những năng lực chủ yếu**

*** Những năng lực chung:**

| Nội dung | TS HS được đánh giá | Xếp loại | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | | Đạt | | Cần cố gắng | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % |
| Tự chủ và tự học | 763 | 632 | 82.83 | 131 | 17.17 | 0 | 0 |
| Giao tiếp và hợp tác | 763 | 649 | 85.06 | 114 | 14.94 | 0 | 0 |
| Giải quyết vấn đề và sáng tạo | 763 | 623 | 81.65 | 140 | 18.35 | 0 | 0 |

*** Những năng lực đặc thù:**

| Nội dung | TS HS được đánh giá | Xếp loại | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | | Đạt | | Cần cố gắng | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % |
| Ngôn ngữ | 763 | 671 | 87.94 | 92 | 12.06 | 0 | 0 |
| Tính toán | 763 | 651 | 85.32 | 112 | 14.68 | 0 | 0 |
| Khoa học | 763 | 652 | 85.45 | 111 | 14.55 | 0 | 0 |
| Thẩm mĩ | 763 | 652 | 85.45 | 109 | 14.29 | 0 | 0 |
| Thể chất | 763 | 646 | 84.67 | 117 | 15.33 | 0 | 0 |
| Công nghệ (lớp 3,4,5) | 440 | 368 | 83.64 | 72 | 16.36 | 0 | 0 |
| Tin học (lớp 3,4,5) | 440 | 356 | 80.91 | 84 | 19.09 | 0 | 0 |

**- Tổng hợp kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với lớp 1, 2, 3, 4, 5**

| TS số HS | TS HS được đánh giá | Hoàn thành xuất sắc | | Hoàn thành tốt (HS tiêu biểu) | | Hoàn thành | | Chưa hoàn thành | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ |
| 763 | 763 | 338 | 44.30 | 24 | 3.15 | 401 | 52.55 | 0 | 0 |

**Khen thưởng học sinh cuối năm học:**

| Khối lớp | TS số HS | Danh hiệu học sinh xuất sắc | | Danh hiệu học sinh tiêu biểu | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ |
| Khối 1 | 163 | 85 | 52.15 | 10 | 6.13 |
| Khối 2 | 160 | 73 | 45.63 | 3 | 1.88 |
| Khối 3 | 140 | 65 | 46.43 | 7 | 5.00 |
| Khối 4 | 149 | 64 | 42.95 | 1 | 0.67 |
| Khối 5 | 151 | 51 | 33.77 | 3 | 1.99 |

**- Kết quả các kỳ thi, giao lưu và một số hoạt động khác**

| Xếp loại | Khối | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Khối 1 | | Khối 2 | | Khối 3 | | Khối 4 | | Khối 5 | |
| | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Học sinh đạt giải thi đấu TDTT cấp phường | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0.01 | 2 | 0.01 |
| Chi đội mạnh | 5 | 100 | 5 | 100 | 5 | 100 | 5 | 100 | 5 | 100 |
| Lớp học thân thiện, học sinh tích cực | 5 | 100 | 5 | 100 | 5 | 100 | 5 | 100 | 5 | 100 |
| Lớp vở sạch chữ đẹp | 5 | 100 | 4 | 80 | 4 | 80 | 3 | 60 | 3 | 60 |

* Chỉ tiêu đối với đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý:

+ Kết quả xếp loại giờ dạy

| **Khối** | **TS** | **Xếp loại giờ dạy** | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | **Tốt** | | **Khá** | | **TB** | | **Chưa đạt** | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| Khối 1 | 5 | 3 | 60 | 2 | 40 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khối 2 | 5 | 4 | 80 | 1 | 20 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khối 3 | 5 | 4 | 80 | 1 | 20 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khối 4 | 5 | 5 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khối 5 | 5 | 5 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tiếng Anh | 12 | 7 | 58 | 5 | 42 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Năng khiếu | 12 | 6 | 50 | 6 | 50 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng số** | **49** | **31** | **63** | **18** | **37** | 0 | 0 | 0 | 0 |

+ Kết quả xếp loại hồ sơ, thực hiện quy chế chuyên môn

| **Tổ** | **TS** | **Tốt** | | **Khá** | | **TB (Đạt)** | | **Yếu (Chưa đạt)** | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| **Xếp loại hồ sơ** | | | | | | | | | |
| Khối 1 | 5 | 5 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khối 2 | 5 | 5 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khối 3 | 5 | 5 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

| Tổ | TS | Tốt | | Khá | | TB (Đạt) | | Yếu (Chưa đạt) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| Khối 4 | 5 | 5 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khối 5 | 5 | 5 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tiếng Anh | 12 | 10 | 83 | 2 | 17 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Năng khiếu | 12 | 10 | 83 | 2 | 17 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng số** | **49** | **45** | **92** | **4** | **8** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| **Xếp loại thực hiện quy chế** | | | | | | | | | |
| Khối 1 | 5 | 5 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khối 2 | 5 | 5 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khối 3 | 5 | 5 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khối 4 | 5 | 5 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khối 5 | 5 | 5 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tiếng Anh | 12 | 12 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Năng khiếu | 12 | 12 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng số** | **49** | **49** | **100** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |

+ Xếp loại chung chuyên môn

| Tổ | TS | Xếp loại chung chuyên môn | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | | Khá | | TB (Đạt) | | Yếu (Chưa đạt) | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| Khối 1 | 5 | 4 | 80 | 1 | 20 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khối 2 | 5 | 4 | 80 | 1 | 20 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khối 3 | 5 | 4 | 80 | 1 | 20 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khối 4 | 5 | 5 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khối 5 | 5 | 5 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tiếng Anh | 12 | 8 | 67 | 4 | 33 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Năng khiếu | 12 | 7 | 58 | 5 | 42 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng số** | **49** | **33** | **67** | **16** | **33** | **0** | **0** | **0** | **0** |

+ Xếp loại cán bộ, giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp GV, chuẩn Phó Hiệu trưởng.

| Tổ | Tổng số | Xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | | Khá | | Đạt | | Chưa đạt | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| Khối 1 | 5 | 5 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khối 2 | 5 | 5 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khối 3 | 5 | 5 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khối 4 | 5 | 5 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khối 5 | 5 | 5 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tiếng Anh | 12 | 12 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Năng khiếu | 12 | 12 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng số** | **49** | **49** | **100** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |

**- Đăng ký danh hiệu thi đua**

| | |
|---|---|
| **1. Đối với tập thể** | |
| Đơn vị nhà trường | |
| **1. Đối với cá nhân** | |
| - Giáo viên dạy giỏi các cấp | + Cấp trường: SL: 24, tỷ lệ: 49%;<br>+ Cấp phường: SL: 0<br>+ Cấp TP: SL: 0 |
| - Lao động Tiên tiến: | |
| - Chiến sỹ thi đua Cấp cơ sở: | |
| - Chiến sỹ thi đua Cấp TP: | |
| - Đề nghị khen cao:<br>+ Tập thể: | |
| + Cá nhân: | |

**- Hoạt động chuyên môn nghiệp vụ**

| Nội dung | Khối | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | Khối 1 | Khối 2 | Khối 3 | Khối 4 | Khối 5 |
| Số chuyên đề thực hiện/năm | 6 | 5 | 6 | 5 | 5 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Số tiết dạy thực nghiệm/năm | 4 | 4 | 4 | 3 | 0 |
| Số GV dùng kế hoạch bài soạn cũ có bổ sung | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Số GV dùng kế hoạch bài soạn mới | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |
| Số GV đi dự giờ trường khác | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| Số GV đi dự giờ quận (huyện) khác | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| Số GV đi dự giờ TP (tỉnh) khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

- Số tổ chuyên môn: 7 tổ
- Số buổi sinh hoạt chuyên môn theo tổ: 4 lần /tháng
- Số buổi sinh hoạt chuyên môn theo khối: 4 lần/tháng
- Xếp loại sổ đăng bộ (tốt, khá, TB): Tốt
- Xếp loại sổ phổ cập (tốt, khá, TB): Tốt

**b. Cấp THCS**

* Đăng kí danh hiệu tập thể

- Lớp Xuất sắc: 3 lớp gồm lớp 7A5, 7A6 và 8A4;
- Lớp Tiên tiến: 17 lớp còn lại;

* Học sinh:

- Xếp loại học tập:

| Khối | Sĩ số | Kết quả học tập | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | | | Khá | | | Đạt | | |
| | | 25-26 | 26-27 | | 25-26 | 26-27 | | 25-26 | 26-27 | |
| | | | SL | % | | SL | % | | SL | % |
| KHỐI 6 | 148 | | 71 | 47.97 | | 61 | 41.22 | | 16 | 10.81 |
| KHỐI 7 | 169 | 84.92 | 110 | 65.09 | 15.08 | 53 | 31.36 | 0 | 8 | 4.73 |
| KHỐI 8 | 147 | 90.34 | 94 | 63.95 | 9.66 | 40 | 27.21 | 0 | 13 | 8.84 |
| KHỐI 9 | 118 | 84.03 | 76 | 64.41 | 15.97 | 28 | 23.73 | 0 | 14 | 11.86 |
| THCS | 582 | 85.06 | 351 | 60.31 | 14.76 | 182 | 31.27 | 0.18 | 51 | 8.76 |

- Xếp loại rèn luyện:

| Khối | Sĩ số | Kết quả rèn luyện | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Tốt | Khá | Đạt |

| | | 25-26 | 26-27 | | 25-26 | 26-27 | | 25-26 | 26-27 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | SL | % | | SL | % | | SL | % |
| KHỐI 6 | 148 | | 144 | 97.30 | | 4 | 2.70 | | 0 | 0 |
| KHỐI 7 | 169 | 100 | 164 | 97.04 | 0 | 5 | 2.96 | 0 | 0 | 0 |
| KHỐI 8 | 147 | 99.31 | 144 | 97.96 | 0.69 | 3 | 2.04 | 0 | 0 | 0 |
| KHỐI 9 | 118 | 98.32 | 112 | 94.92 | 1.68 | 6 | 5.08 | 0 | 0 | 0 |
| THCS | 582 | 98.95 | 564 | 96.91 | 01.05 | 18 | 3.09 | 0 | 0 | 0 |

- Chỉ tiêu khen thưởng danh hiệu cuối năm:

| Khối | Sĩ số | Danh hiệu | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | HSXS | | | HSG | | |
| | | 25-26 | 26-27 | | 25-26 | 26-27 | |
| | | | SL | % | | SL | % |
| KHỐI 6 | 148 | | 12 | 8.11 | | 64 | 43.24 |
| KHỐI 7 | 169 | 27.37 | 34 | 20.12 | 57.54 | 109 | 64.50 |
| KHỐI 8 | 147 | 24.83 | 29 | 19.73 | 65.52 | 59 | 40.14 |
| KHỐI 9 | 118 | 18.49 | 13 | 11.02 | 65.55 | 65 | 55.08 |
| **THCS** | 582 | 25.13 | 88 | 15.12 | 59.93 | 297 | 51.03 |

- Chỉ tiêu kết quả học tập các môn học:

| Môn | Lớp | Sĩ số | Tốt | | | Khá | | | Đạt | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 2025-2026 | 2026-2027 | | 2025-2026 | 2026-2027 | | 2025-2026 | 2026-2027 | |
| | | | % | SL | % | % | SL | % | % | SL | % |
| Toán | Khối 6 | 148 | | 91 | 61.49 | | 49 | 33.11 | | 8 | 5.41 |
| | Khối 7 | 169 | 83.8 | 119 | 70.41 | 15.08 | 40 | 23.67 | 1.12 | 10 | 5.92 |
| | Khối 8 | 147 | 77.24 | 100 | 68.03 | 22.76 | 42 | 28.57 | 0 | 10 | 6.80 |
| | Khối 9 | 118 | 74.79 | 63 | 53.39 | 22.69 | 44 | 37.29 | 2.52 | 10 | 8.47 |
| | **THCS** | 582 | 76.8 | 373 | 64.09 | 21.09 | 175 | 30.07 | 1.93 | 38 | 6.53 |
| Ngữ văn | Khối 6 | 148 | | 38 | 25.68 | | 98 | 66.22 | | 12 | 8.11 |
| | Khối 7 | 169 | 74.86 | 99 | 58.58 | 24.02 | 61 | 36.09 | 1.12 | 8 | 4.73 |
| | Khối 8 | 147 | 87.59 | 83 | 56.46 | 12.41 | 55 | 37.41 | 0 | 8 | 5.44 |
| | Khối 9 | 118 | 80.67 | 54 | 45.76 | 17.65 | 54 | 45.76 | 1.68 | 12 | 10.17 |
| | **THCS** | 582 | 80.67 | 274 | 47.08 | 18.63 | 268 | 46.05 | 0.7 | 40 | 6.87 |
| KHTN | Khối 6 | 148 | | 88 | 59.46 | | 50 | 33.78 | | 9 | 6.08 |

| Môn | Lớp | Sĩ số | Tốt | | | Khá | | | Đạt | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 2025-2026 | 2026-2027 | | 2025-2026 | 2026-2027 | | 2025-2026 | 2026-2027 | |
| | | | % | SL | % | % | SL | % | % | SL | % |
| | Khối 7 | 169 | 86.03 | 76 | 44.97 | 13.97 | 64 | 37.87 | 0 | 16 | 9.47 |
| | Khối 8 | 147 | 86.21 | 94 | 63.95 | 13.79 | 45 | 30.61 | 0 | 8 | 5.44 |
| | Khối 9 | 118 | 83.19 | 77 | 65.25 | 16.81 | 34 | 28.81 | 0 | 7 | 5.93 |
| | **THCS** | 582 | 82.6 | 335 | 57.56 | 17.22 | 193 | 33.16 | 0.18 | 40 | 6.87 |
| Tiếng Anh | Khối 6 | 148 | | 62 | 41.89 | | 62 | 41.89 | | 24 | 16.22 |
| | Khối 7 | 169 | 73.74 | 84 | 50.00 | 21.23 | 60 | 35.71 | 5.3 | 24 | 14.29 |
| | Khối 8 | 147 | 77.24 | 86 | 58.90 | 22.76 | 47 | 32.19 | 0 | 15 | 10.27 |
| | Khối 9 | 118 | 73.11 | 61 | 51.69 | 26.05 | 41 | 34.75 | 0.84 | 15 | 12.71 |
| | **THCS** | 582 | 73.81 | 293 | 50.52 | 23.37 | 210 | 36.21 | 2.81 | 78 | 13.45 |
| Công nghệ | Khối 6 | 148 | | 140 | 94.59 | | 8 | 5.41 | | 0 | 0.00 |
| | Khối 7 | 169 | 98.88 | 163 | 96.45 | 1.12 | 6 | 3.55 | 0 | 0 | 0.00 |
| | Khối 8 | 147 | 100 | 140 | 95.24 | 0 | 7 | 4.76 | 0 | 0 | 0.00 |
| | Khối 9 | 118 | 100 | 116 | 98.31 | 0 | 2 | 1.69 | 0 | 0 | 0.00 |
| | **THCS** | 582 | 99.65 | 559 | 96.05 | 0.35 | 23 | 3.95 | 0 | 0 | 0.00 |
| Tin học | Khối 6 | 148 | | 101 | 68.24 | | 43 | 29.05 | | 3 | 2.03 |
| | Khối 7 | 169 | 96.65 | 157 | 92.9 | 3.35 | 15 | 8.88 | 0 | 0 | 0 |
| | Khối 8 | 147 | 98.62 | 135 | 91.84 | 1.38 | 12 | 8.16 | 0 | 0 | 0 |
| | Khối 9 | 118 | 94.12 | 104 | 88.14 | 5.88 | 14 | 11.86 | 0 | 0 | 0 |
| | **THCS** | 582 | 97.19 | 497 | 85.4 | 2.81 | 84 | 14.43 | 0 | 3 | 0.52 |
| LS & ĐL | Khối 6 | 148 | | 137 | 92.57 | | 11 | 7.43 | | 0 | 0.00 |
| | Khối 7 | 169 | 96.65 | 155 | 91.72 | 3.35 | 15 | 8.88 | 0 | 0 | 0.00 |
| | Khối 8 | 147 | 99.31 | 99 | 67.35 | 0.69 | 34 | 23.13 | 0 | 14 | 9.52 |
| | Khối 9 | 118 | 100 | 110 | 93.22 | 0 | 8 | 6.78 | 0 | 0 | 0.00 |
| | **THCS** | 582 | 98.77 | 501 | 86.08 | 1.23 | 68 | 11.68 | 0 | 14 | 2.41 |
| GDCD | Khối 6 | 148 | | 148 | 100 | | 0 | 0 | | 0 | 0 |
| | Khối 7 | 169 | 100 | 169 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Khối 8 | 147 | 100 | 147 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Khối 9 | 118 | 100 | 118 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | **THCS** | 582 | 100 | 582 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

- Các môn Năng khiếu và nhận xét: 100% Đạt.

* Các chỉ tiêu khác:

- Học sinh lớp 9 lớp 10 THPT:

+ Phấn đấu tỷ lệ học sinh lớp 9 thi đỗ vào lớp 10 THPT công lập năm học 2026 - 2027 đạt 70% trở lên;

+ Tỉ lệ học sinh đi học lớp 10 THPT tư thục và học các trường nghề 30% tổng số học sinh;

+ Thi vào lớp 10 THPT điểm TB môn Toán: 7,0;

+ Thi vào lớp 10 THPT điểm TB môn Ngữ văn: 7,5;

+ Thi vào lớp 10 THPT điểm TB môn môn thứ 3: 7,5 (nếu là môn khác Tiếng Anh phải đạt 7,8 trở lên).

* Chỉ tiêu đối với đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý:

+ Kết quả xếp loại giờ dạy (không tính 01 nhân viên thiết bị và 01 nhân viên thư viện, 02 GV thỉnh giảng không đánh giá)

| Tổ | TS | Xếp loại giờ dạy | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Giỏi | | | Khá | | |
| | | 2025-2026 | 2026-2027 | | 2025-2026 | 2026-2027 | |
| | | | SL | % | | SL | % |
| KHTN | **15** | 76.92 | 13 | 86.67 | 23.08 | 0 | 0.00 |
| KHXH | **13** | 100 | 10 | 76.92 | 0 | 2 | 15.38 |
| Tiếng Anh | **10** | 100 | 8 | 80.00 | 0 | 2 | 20.00 |
| Năng khiếu | **16** | 66.67 | 12 | 75.00 | 33.33 | 4 | 25.00 |
| **Tổng số** | **54** | 88.63 | **43** | 79.63 | 11.37 | **8** | 14.81 |

+ Kết quả xếp loại hồ sơ

| Tổ | TS | Tốt | | | Khá | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 2025-2026 | 2026-2027 | | 2025-2026 | 2026-2027 | |
| | | | SL | % | | SL | % |
| **Xếp loại hồ sơ** | | | | | | | |
| KHTN | **15** | 100 | 15 | 100.00 | 0 | 0 | 0.00 |
| KHXH | **13** | 100 | 13 | 100.00 | 0 | | 0.00 |
| Tiếng Anh | **10** | 55.56 | 7 | 70.00 | 33.33 | 3 | 30.00 |
| Năng khiếu | **20** | | 5 | 25.00 | 100 | 15 | 75.00 |
| **Tổng số** | **58** | 78.83 | **40** | 68.97 | 27.08 | **18** | 31.03 |

**+ Đánh giá xếp loại hàng năm**

| Tổ | TS | HT Xuất sắc | | | HT tốt | | | HT | | | Không đánh giá | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 2025-2026 | 2026-2027 | | 2025-2026 | 2026-2027 | | 2025-2026 | 2026-2027 | | 2025-2026 | 2026-2027 | |
| | | | SL | % | | SL | % | | SL | % | | SL | % |
| KHTN | 15 | 12.5 | 2 | 13.33 | 81.25 | 13 | 86.67 | 6.25 | 0 | 0.00 | 0 | 0 | 0.00 |
| KHXH | 13 | 7.69 | 1 | 7.69 | 79.92 | 12 | 92.31 | 7.69 | 0 | 0.00 | 7.96 | 0 | 0.00 |
| Tiếng Anh THCS | 10 | 22.22 | 3 | 30.00 | 44.44 | 7 | 70.00 | 33.33 | 0 | 0.00 | 0 | 0 | 0.00 |
| Tiếng Anh TiH | 12 | 25 | 4 | 33.33 | 75 | 8 | 66.67 | 0 | 0 | 0.00 | 0 | 0 | 0.00 |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Tiếng Việt TiH | 25 | 40 | 10 | 40.00 | 68 | 15 | 60.00 | 0 | 0 | 0.00 | 8 | 0 | 0.00 |
| Năng khiếu | 20 | 42.1 | 6 | 30.00 | 57.89 | 14 | 70.00 | 0 | 0 | 0.00 | 0 | 0 | 0.00 |
| Văn phòng | 12 | 16.67 | 3 | 25.00 | 66.67 | 8 | 66.67 | 0 | 0 | 0.00 | 16.67 | 1 | 8.33 |
| Bán trú | 42 | 25.58 | 12 | 28.57 | 72.09 | 30 | 71.43 | 0 | 0 | 0.00 | 2.33 | 0 | 0.00 |
| **Tổng số** | 149 | 26.17 | **41** | 27.52 | 66.44 | **107** | 71.81 | 3.36 | **0** | 0.00 | 04.02 | **1** | 0.67 |

* Các chỉ tiêu khác:

- 100% CBQL - GV được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

- 100% GV tham gia đầy đủ các đợt sinh hoạt chuyên môn do ngành và trường tổ chức;

- 100% các buổi sinh hoạt chuyên môn các tổ chuyên môn thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học (NCBH). Các tổ chuyên môn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra hoạt động sư phạm: -giáo viên: 100% được dự ít nhất 2 tiết /năm

- Thực hiện chuyên đề: 19 chuyên đề/4 tổ/năm.

## V. NHIỆM VỤ CHUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

### A. Cấp Tiểu học

### 1. NHIỆM VỤ CHUNG

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) cấp tiểu học; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ; triển khai hiệu quả Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học" phù hợp với điều kiện thực tế của các cơ sở giáo dục. Chú trọng giáo dục thể chất, thể thao; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật và kỹ năng sống cho học sinh.

- Thực hiện hiệu quả giáo dục bắt buộc đối với cấp tiểu học; củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; quan tâm, hỗ trợ kịp thời học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật, học sinh dân tộc thiểu số và học sinh có nguy cơ gián đoạn học tập.

- Bảo đảm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân sự hỗ trợ giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; rà soát, sắp xếp hợp lý mạng lưới trường, lớp, phân hiệu, điểm trường, bảo đảm các cơ sở giáo dục hoạt động ổn định, thông suốt ngay từ đầu năm học.

- Đổi mới quản lý giáo dục cấp tiểu học, nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường; đẩy mạnh chuyển đổi số, tiếp tục triển khai Học bạ số, giáo dục năng lực

số, giáo dục trí tuệ nhân tạo; tăng cường quản trị, khai thác và sử dụng dữ liệu giáo dục; giảm hồ sơ, thủ tục hành chính.

- Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; tăng cường kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình; chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động giáo dục.

**2. NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

**2.1. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ**

**a) Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường**

Cấp Tiểu học xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo quy định trên cơ sở Chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với điều kiện thực tế về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị và học liệu. Kế hoạch phải bảo đảm đầy đủ yêu cầu cần đạt của Chương trình; không cắt xén nội dung, thời lượng hoặc tổ chức thực hiện mang tính hình thức.

Rà soát, cập nhật tài liệu, học liệu, ngữ liệu dạy học bảo đảm phù hợp với yêu cầu cần đạt của CTGDPT và thực tiễn địa phương sau sắp xếp đơn vị hành chính.

Tổ chức dạy đủ các môn học, hoạt động giáo dục; dạy học 2 buổi/ngày phù hợp với điều kiện thực tế, ưu tiên củng cố kiến thức, phát triển năng lực và hỗ trợ học sinh. Việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày phải bảo đảm phân bổ hợp lý giữa học tập, thực hành, trải nghiệm, đọc sách, nghệ thuật, thể thao, STEM/STEAM, ngoại ngữ, Tin học, năng lực số và nghỉ ngơi; không sử dụng buổi học thứ hai để dạy trước chương trình hoặc tăng khối lượng kiến thức một cách cơ học, gây quá tải.

Chủ động lựa chọn, tích hợp thiết thực các nội dung giáo dục về quyền con người; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và giáo dục liêm chính; bình đẳng giới; chăm sóc mắt và phòng chống mù loà; bảo tồn văn hóa dân tộc, chủ quyền biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; sử dụng năng lượng tiết kiệm, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; ứng phó biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai; giáo dục qua di sản; an toàn giao thông và các nội dung giáo dục tích hợp khác; không làm tăng nội dung, thời lượng gây quá tải cho học sinh.

Phó Hiệu trưởng phụ trách cấp Tiểu học tiếp tục chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo Chương trình Giáo dục phổ thông bảo đảm phù hợp với đội ngũ giáo viên, điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có theo hướng

dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GDĐT về hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học (Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH) và các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT. Sử dụng thống nhất 01 sách giáo khoa theo quy định. Trong quá trình xây dựng cần lưu ý các nội dung sau:

1.1. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho 100% học sinh tiểu học: Thực hiện dạy học 2 buổi/ngày với thời lượng không quá 7 tiết/ngày, mỗi tiết 35 phút; bảo đảm kế hoạch dạy học tối thiểu 9 buổi/tuần (tương đương 32 tiết/tuần).

Phó Hiệu trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo, quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc việc tuyệt đối không giao bài tập về nhà cho học sinh khi đã được nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Giáo viên có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập tại lớp, bảo đảm việc học tập diễn ra nhẹ nhàng, hứng thú, hiệu quả. Phó Hiệu trưởng thường xuyên kiểm tra, giám sát, nhắc nhở nếu để xảy ra tình trạng giáo viên vi phạm các quy định về dạy thêm học thêm, thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông, giao bài tập về nhà cho học sinh tiểu học.

1.2. Kế hoạch thời gian tổ chức các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo tổng số tiết/năm học được quy định trong Chương trình cấp tiểu học; bố trí thời gian thực hiện Chương trình đảm bảo tính khoa học, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế tại nhà trường, đảm bảo cuối năm học đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của Chương trình. Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương và đặc điểm học sinh, nhà trường linh hoạt điều chỉnh thời lượng và nội dung dạy học cho phù hợp.

1.3. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục do tổ chuyên môn xây dựng theo từng khối lớp theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 Công văn số 2345/BGDĐT GDĐT. Triển khai, cập nhật, bổ sung nội dung Chương trình môn Lịch sử và Địa lý lớp 4, lớp 5 theo Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT và hướng dẫn của Sở GDĐT.

Tổ chuyên môn, giáo viên chủ động nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương, các nguồn học liệu và các điều kiện tổ chức dạy học... để lựa chọn nội dung phù hợp, xây dựng chủ đề tích hợp liên môn, các nội dung tích hợp phù hợp với môn học, hoạt động trải nghiệm; điều chỉnh, bổ sung ngữ liệu đảm bảo yêu cầu cần đạt của nội dung Chương trình, đặc điểm tâm lý học sinh và điều kiện thực tế:

- Hoạt động trải nghiệm trong Chương trình GDPT 2018 thực hiện theo Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực

hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học. Lưu ý:

+ Về loạt hình, quy mô, địa điểm tổ chức: hoạt động trải nghiệm được thực hiện thông qua 04 loại hình hoạt động chủ yếu: sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, hoạt động trải nghiệm theo chủ đề, hoạt động câu lạc bộ, trong đó câu lạc bộ là loại hình tự chọn; quy mô tổ chức: nhóm, lớp học, khối lớp hoặc quy mô trường; địa điểm tổ chức: trong và ngoài lớp học, trong và ngoài trường học.

+ Kế hoạch tổ chức Hoạt động trải nghiệm: Hoạt động trải nghiệm quy định 105 tiết/năm học tổ chức theo quy mô nhóm, lớp học, khối lớp hoặc quy mô trường, trong đó: 35 tiết sinh hoạt dưới cờ (nhóm lớp, quy mô trường); 35 tiết sinh hoạt lớp (nhóm lớp, quy mô lớp học); 35 tiết hoạt động trải nghiệm theo chủ đề, hoạt động câu lạc bộ (quy mô lớp học, nhóm lớp học). Thời lượng dành cho nội dung giáo dục của địa phương nằm trong tổng thời lượng thực hiện chương trình Hoạt động trải nghiệm.

+ Căn cứ quy mô và nội dung của từng hoạt động cụ thể việc tổ chức Hoạt động trải nghiệm, đặc biệt tổ chức ở quy mô khối lớp, quy mô trường phải có sự tham gia, phối hợp, liên kết của nhiều lực lượng giáo dục: giáo viên chủ nhiệm, Tổng phụ trách, giáo viên dạy học các môn chuyên biệt, cán bộ quản lý nhà trường, các tổ chức chính trị, xã hội, cha mẹ học sinh, các nhà tài trợ,..

+ Khuyến khích tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường đối với nhà trường có đủ điều kiện nhưng cần đảm bảo mục tiêu giáo dục và an toàn cho học sinh. Các hoạt động trải nghiệm được tổ chức ngoài lớp học, ngoài trường học, khuyến khích cha mẹ học sinh và yêu cầu Ban đại diện cha mẹ học sinh tham gia tổ chức và quản lý cùng giáo viên chủ nhiệm lớp và nhà trường.

- Xây dựng, tổ chức tiết đọc và tiết học thư viện phù hợp, bảo đảm thực hiện theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

*Giải pháp thực hiện:

**- Bám sát hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học cấp Tiểu học (của Sở GD&ĐT) và Chương trình giáo dục (Kế hoạch giáo dục) của năm trước (đã chỉnh sửa, bổ sung) để xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học 2026-2027.**

**- Phối hợp với bộ phận Nhân sự tuyển đúng, đủ và đảm bảo chất lượng giáo viên. Thực hiện nghiêm túc Kế hoạch dạy học (các môn bắt buộc và tự chọn); kiểm soát chất lượng các loại Phiếu bài tập.**

**- Phối hợp với tổ Văn phòng, Bán trú thực hiện đúng chính sách và các nội dung liên quan đến công tác bán trú.**

**- Tổ chức các loại hình câu lạc bộ trong và ngoài giờ phù hợp. Tích hợp**

**các nội dung giáo dục vào từng môn học một cách hợp lí.**

**b) Đổi mới phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học; hoạt động dự giờ**

- Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, khả năng tự học và vận dụng kiến thức của học sinh; tăng cường thực hành, thí nghiệm, trải nghiệm, hợp tác và giải quyết vấn đề; tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu cần đạt, đặc điểm môn học và đối tượng học sinh.

Tăng cường sinh hoạt tổ chuyên môn, thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 1/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục phổ thông và sinh hoạt cụm chuyên môn hướng dẫn nội dung sinh hoạt chuyên môn. Yêu cầu tích hợp hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học với sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề hoặc dạy học theo chủ đề; tích hợp nội dung sinh hoạt chuyên môn với nội dung bồi dưỡng thường xuyên trong năm học, tránh trùng lặp, chồng chéo, đảm bảo tính khoa học, hiệu quả. Xây dựng tổ chuyên môn thành môi trường học tập tích cực với tinh thần hợp tác dân chủ, cởi mở, nâng cao ý thức học, tự bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên.

Giáo viên thiết kế, tổ chức bài học bám sát yêu cầu cần đạt của CTGDPT; lựa chọn nội dung, phương pháp, học liệu, thiết bị và hình thức tổ chức dạy học phù hợp; tăng cường ứng dụng công nghệ số, khai thác học liệu số, trí tuệ nhân tạo và tài nguyên giáo dục mở theo hướng dẫn của Bộ GDĐT; kịp thời hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt và tạo cơ hội phát triển đối với học sinh có năng khiếu, sở trường.

Khai thác, sử dụng hiệu quả thư viện, phòng học bộ môn, thiết bị dạy học và học liệu số. Phối hợp với các cơ sở văn hóa, thể thao, đơn vị quản lý di sản, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cộng đồng địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp; hoạt động phải có mục tiêu giáo dục rõ ràng, bảo đảm an toàn, thiết thực, phù hợp lứa tuổi, không hình thức và không làm phát sinh chi phí.

- Hoạt động dự giờ

Phó Hiệu trưởng quy định số tiết dự giờ của phó hiệu trưởng, tổ/khối trưởng, tổ phó chuyên môn, giáo viên (căn cứ vào xếp loại chuyên môn, định mức giảng dạy, yêu cầu kiểm định, yêu cầu đổi mới...).

Lãnh đạo nhà trường (BGH, cố vấn chuyên môn), tổ trưởng, tổ phó chuyên môn tăng cường dự giờ, rút kinh nghiệm đối với giáo viên để kịp thời hướng dẫn, điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Coi dự giờ như một hoạt động thăm lớp nhẹ nhàng.Tăng cường dự giờ đột xuất.

Việc đánh giá tiết dạy không chỉ tập trung vào hoạt động giảng dạy của giáo viên mà còn chú trọng quan sát, đánh giá hoạt động học của học sinh. Quá trình dự giờ (nghiên cứu giờ học), giáo viên phải tập trung quan sát, mô tả các hoạt động học của học sinh, khó khăn, thuận lợi trong học tập qua đó điều chỉnh kế hoạch bài dạy (nếu có) nhằm nâng cao chất lượng giờ dạy. Minh chứng hoạt động dự giờ là phiếu đánh giá, nhận xét (hoặc phiếu dự giờ, sổ dự giờ).

* Giải pháp thực hiện

**-Nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài dạy.**

**-Tăng cường dự giờ và đánh giá giờ dạy đột xuất.**

**c) Đổi mới kiểm tra, đánh giá**

Thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học đúng quy định, bảo đảm khách quan, công bằng, vì sự tiến bộ của học sinh; kết hợp phù hợp đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ.

Nội dung kiểm tra, đánh giá phải bám sát yêu cầu cần đạt của CTGDPT; chú trọng đánh giá khả năng hiểu, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; hạn chế yêu cầu ghi nhớ máy móc, học thuộc lòng, làm bài theo khuôn mẫu. Kết quả đánh giá được sử dụng để điều chỉnh hoạt động dạy học, hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và nâng cao chất lượng giáo dục.

Tăng cường vai trò của tổ/khối chuyên môn trong hướng dẫn, tổ chức xây dựng ma trận, bản đặc tả, câu hỏi, bài kiểm tra và nhiệm vụ học tập phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình; sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy học và hỗ trợ học sinh.

- Đánh giá thường xuyên, định kỳ

Tăng cường đánh giá thường xuyên với các phương pháp, hình thức phù hợp (Hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập) để có biện pháp giúp đỡ, động viên học sinh trong quá trình học tập, rèn luyện và phát triển năng lực, phẩm chất nhằm hỗ trợ, điều chỉnh kịp thời, thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh theo mục tiêu giáo dục tiểu học.

Khuyến khích giáo viên xây dựng, bổ sung câu hỏi, bài tập mức độ 3 trong các bài dạy, bảo đảm phù hợp với nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức của kế hoạch bài dạy để phát triển năng lực của học sinh.

Kết quả đánh giá thường xuyên được tổng hợp từ đánh giá của các giáo viên

bộ môn, học sinh được đánh giá và các học sinh khác trong tổ, trong lớp, cha mẹ học sinh; giáo viên lựa chọn hình thức lưu trữ minh chứng đánh giá thường xuyên phù hợp.

Bài kiểm tra định kỳ (trên giấy hoặc trên máy tính):

+ Phó Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn thảo luận, xây dựng ma trận, ra đề kiểm tra định kỳ cho các khối lớp theo hướng phát triển năng lực học sinh. Câu hỏi, bài tập yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng được học. Đối với ngữ liệu sử dụng ngoài sách giáo khoa, lưu ý sử dụng từ các nguồn thông tin chính thống (ưu tiên bộ sách giáo khoa, tài liệu được Bộ GDĐT phê duyệt sử dụng) và ghi rõ nguồn thông tin, đường link, ngày truy xuất... Không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT cấp tiểu học. Mỗi môn học có ít nhất 02 đề kiểm tra với nội dung khác nhau (cùng 01 ma trận).

+ Phó Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về chất lượng ma trận, đề kiểm tra trước khi tổ chức thực hiện. Tổ/khối chuyên môn lựa chọn bài, đề kiểm tra (đã được duyệt) để tổ chức kiểm tra định kì theo kế hoạch của Nhà trường. Bài kiểm tra phải được chấm cẩn thận, sửa chữa sai sót và ghi nhận tiến bộ của học sinh. Đối với học sinh vắng mặt, không thực hiện kiểm tra theo Kế hoạch, nhà trường cho kiểm tra bù ngay sau đó, đề kiểm tra có mức độ, nội dung tương đương với đề đã tổ chức kiểm tra.

Đối với các môn học có bài kiểm tra định kì tuyệt đối không được dùng kết quả kiểm tra định kì để quy về kết quả đánh giá thường xuyên.

- Cuối năm học, căn cứ vào quá trình tổng hợp kết quả đánh giá về học tập từng môn học, hoạt động giáo dục và từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi, giáo viên chủ nhiệm thực hiện đánh giá kết quả giáo dục học sinh theo 04 mức (Hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành, chưa hoàn thành) ghi nhận và coi trọng quá trình tiến bộ của từng học sinh. Đây là một hoạt động đánh giá thông thường, tuyệt đối không chạy theo thành tích, tránh gây áp lực, căng thẳng cho giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh.

- Tổ chức nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh thực hiện theo Điều 12 Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT đảm bảo tính chính xác, khách quan, trung thực, tránh việc nghiệm thu mang tính hình thức hoặc dễ dãi để xảy ra tình trạng học sinh "ngồi nhầm lớp". Phó Hiệu trưởng, giáo viên chịu trách nhiệm về chất lượng học sinh của lớp mình, cấp học của mình sau khi đã nghiệm thu, bàn giao.

- Giáo viên cập nhật điểm kiểm tra, đánh giá của học sinh trên hệ thống Học bạ số (lưu ý giáo viên trả bài kiểm tra cho học sinh trước khi nhập điểm). Nghiêm cấm việc sửa điểm không đúng quy định.

*** Giải pháp thực hiện**

**-Tập huấn quy trình ra đề từ đầu năm**

**-Phân loại đối tượng học sinh để có nội dung đánh giá phù hợp, nhất là các lớp Mũi nhọn và Tiếng Anh tăng cường.**

**d. Khen thưởng, kỷ luật học sinh**

Phó Hiệu trưởng chỉ đạo, phân công, hướng dẫn tổ/khối chuyên môn, giáo viên thực hiện nghiêm túc Quy định về khen thưởng, kỉ luật học sinh theo quy định tại Thông tư số 19/2025/TT-BGDĐT ngày 15/9/2025 của Bộ GDĐT và Điều 13 Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020. Trong đó lưu ý:

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến toàn bộ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh Thông tư số 19/2025/TT-BGDĐT và tổ chức thực hiện khen thưởng, kỉ luật học sinh theo quy định.

- Khen thưởng học sinh theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 27/2020/TT BGDĐT và Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Chương II Thông tư số 19/2025/TT-BGDĐT nhằm ghi nhận, biểu dương, động viên, khuyến khích, tạo động lực để học sinh rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu vươn lên trong học tập và cuộc sống; tôn vinh, nhân rộng tấm gương người tốt, việc tốt. Việc khen thưởng phải đảm bảo thực chất, đúng quy định, công khai, khách quan, chính xác, công bằng, kịp thời, tránh tràn lan, đúng đối tượng và tương xứng giữa hình thức khen thưởng với thành tích đạt được.

- Kỉ luật học sinh tiểu học theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Khoản 1 Điều 13, Điều 14, Điều 16, Điều 17 Chương III Thông tư số 19/2025/TT-BGDĐT.

- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phân công các thành viên trong nhà trường và phối hợp với các lực lượng khác ngoài nhà trường thực hiện các hoạt động hỗ trợ để học sinh khắc phục hành vi vi phạm; quyết định việc khen thưởng, kỷ luật học sinh thuộc thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật học sinh.

*** Giải pháp thực hiện**

**-Hướng dẫn giáo viên học tập quy chế về thi đua khen thưởng từ đầu năm và trước mỗi kì đánh giá học sinh.**

**-Khen thưởng, kỉ luật kịp thời, công bằng, có tác dụng thiết thực.**

**e. Tổ chức các nội dung giáo dục gắn với yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh**

i) Nội dung giáo dục địa phương

Tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương đúng mục tiêu, yêu cầu cần đạt của CTGDPT, phù hợp với đặc điểm lịch sử, văn hóa và điều kiện phát triển của Thủ đô; tăng cường khai thác các nội dung về lịch sử, văn hóa, truyền thống, địa lý, kinh tế - xã hội, môi trường của Hà Nội, góp phần bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào và ý thức trách nhiệm của học sinh đối với cộng đồng, địa phương.

Rà soát, cập nhật nội dung, ngữ liệu, tên địa danh, đơn vị hành chính và các thông tin có liên quan trong tài liệu giáo dục địa phương để phù hợp với đơn vị hành chính sau sắp xếp. Trong quá trình tổ chức thực hiện, giáo viên chủ động lựa chọn phương pháp, hình thức dạy học phù hợp; tăng cường hoạt động trải nghiệm, tìm hiểu thực tiễn địa phương; không gây quá tải cho học sinh.

ii) Hoạt động trải nghiệm

Tổ chức hoạt động trải nghiệm thiết thực, an toàn, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học và điều kiện thực tế; gắn với giáo dục kỹ năng sống, trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng và bước đầu định hướng nghề nghiệp phù hợp với lứa tuổi; tạo cơ hội để học sinh trải nghiệm, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn.

Đối với hoạt động tổ chức ngoài nhà trường, phải xây dựng kế hoạch, phương án bảo đảm an toàn và phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan; bảo đảm mục tiêu giáo dục, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với lứa tuổi và điều kiện thực tế.

iii) Giáo dục STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật

Tổ chức giáo dục STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật phù hợp với mục tiêu CTGDPT, điều kiện nhà trường và năng lực học sinh; thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; gắn với môn học, hoạt động giáo dục và hoạt động trải nghiệm; chú trọng hình thành tư duy khoa học, tư duy thiết kế, năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác và vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn.

Khuyến khích tổ chức các chủ đề, bài học có ứng dụng công nghệ số, công cụ số và trí tuệ nhân tạo phù hợp; khai thác hiệu quả thiết bị, học liệu hiện có và các nguồn lực phù hợp tại trường. Không tổ chức theo phong trào, nặng về sản phẩm trình diễn, thi đua thành tích, thiếu chiều sâu chuyên môn hoặc làm phát sinh chi phí.

Linh hoạt các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục STEM/STEAM cấp tiểu học. Thực hiện giáo dục STEM tối thiểu 02 chủ đề/học kỳ/lớp (đối với hình thức Bài học STEM).

Bồi dưỡng, tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện giáo dục STEM/STEAM; hướng dẫn giáo viên sử dụng hiệu quả nguồn học liệu tại địa chỉ website https://stemtieuhoc.edu.vn và lựa chọn nội dung tại các nguồn học liệu, tài liệu khác.

iv) Giáo dục năng lực số và sử dụng trí tuệ nhân tạo, xây dựng học liệu số.

Tổ chức giáo dục phát triển năng lực số, giáo dục trí tuệ nhân tạo và an toàn mạng phù hợp với cấp tiểu học theo Khung năng lực số, Khung giáo dục trí tuệ nhân tạo và các hướng dẫn liên quan của Bộ GDĐT. Căn cứ điều kiện thực tế, linh hoạt tổ chức các hoạt động giáo dục Tin học, kỹ năng công dân số cho học sinh lớp 1, lớp 2; đối với lớp 3, lớp 4, lớp 5, tổ chức dạy học môn Tin học theo CTGDPT, tăng cường thực hành, trải nghiệm và vận dụng công nghệ trong học tập.

Tổ chức hướng dẫn học sinh kỹ năng an toàn thông tin số và văn hóa liêm chính học thuật; có trách nhiệm, trung thực; phòng ngừa sự phụ thuộc, lạm dụng công nghệ và các nguy cơ trên môi trường số. Kết quả giáo dục năng lực số được xác định theo yêu cầu cần đạt tại văn bản hướng dẫn thực hiện Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định Khung năng lực số cho người học; kết quả giáo dục trí tuệ nhân tạo được xác định theo Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo và hướng dẫn chuyên môn của Bộ GDĐT.

Nhà trường tổ chức hướng dẫn giáo viên và học sinh khai thác tối đa nội dung giáo dục văn hóa giao thông và an toàn đường bộ trên nền tảng Bình dân học vụ số do Bộ GDĐT triển khai.

Nhà trường tổ chức cho mỗi giáo viên xây dựng tối thiểu 01 sản phẩm học liệu số cốt lõi / học kỳ. Tổ chức thẩm định, đánh giá học liệu có chất lượng để đưa vào kho học liệu chung của nhà trường đồng thời có cơ chế động viên, khuyến khích trao giải cho các sản phẩm có chất lượng.

v) Tổ chức dạy học tiếng Anh và nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ

Đối với lớp 1, lớp 2, tiếp tục triển khai Chương trình làm quen Tiếng Anh/Ngoại ngữ 1 tự chọn theo quy định, phù hợp với điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất và nhu cầu học sinh; bảo đảm tính liên thông với môn Ngoại ngữ 1 bắt buộc từ lớp 3; chú trọng phát triển kỹ năng nghe, nói, giao tiếp, tạo hứng thú học tập, không gây quá tải. Đối với lớp 3, lớp 4, lớp 5, tổ chức dạy học Ngoại ngữ 1 theo CTGDPT, nâng cao chất lượng và tăng cơ hội thực hành, giao tiếp.

Triển khai Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học" và Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 06/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội;

các cơ sở giáo dục căn cứ điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu, môi trường giáo dục và đối tượng học sinh để lựa chọn nội dung, hình thức, mức độ triển khai phù hợp, lựa chọn theo một trong 03 mô hình tổ chức dạy học; từng bước xây dựng môi trường học tập, giao tiếp và sử dụng tiếng Anh thường xuyên trong và ngoài lớp học.

Tăng cường các hoạt động giáo dục, trải nghiệm, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, STEM/STEAM, khoa học, công nghệ có sử dụng tiếng Anh; phát triển và khai thác học liệu số, học liệu song ngữ, nền tảng số và trí tuệ nhân tạo phù hợp nhằm mở rộng môi trường sử dụng tiếng Anh cho học sinh. Việc tổ chức dạy học môn học, chủ đề hoặc hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh phải bảo đảm đủ điều kiện, thực hiện đúng quy định và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện CTGDPT.

Đối với hoạt động liên kết giáo dục với nước ngoài, chương trình giáo dục tích hợp, thực hiện nghiêm Quyết định số 96/2026/QĐ-UBND ngày 11/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội; bảo đảm tự nguyện, công khai, minh bạch, đúng quy định; chỉ tổ chức khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và chương trình giáo dục tích hợp được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

vi) Tăng cường giáo dục nghệ thuật

Tăng cường tổ chức phong trào rèn luyện thể chất và thực hành nghệ thuật theo định hướng Công văn số 5069/BGDĐT-GDPT ngày 03/8/2026 của Bộ GDĐT.

Tổ chức đa dạng hoạt động giáo dục nghệ thuật trong và ngoài giờ học thông qua môn học, hoạt động giáo dục, câu lạc bộ, sân chơi và hoạt động trải nghiệm phù hợp với điều kiện thực tế; tạo cơ hội để học sinh sáng tạo, biểu diễn, cảm thụ nghệ thuật; giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống, bản sắc dân tộc và văn hóa Thăng Long - Hà Nội; tiếp cận có chọn lọc các loại hình nghệ thuật phù hợp với lứa tuổi.

Khuyến khích khai thác nguồn lực văn hóa, nghệ thuật của Thủ đô; huy động nghệ nhân, nghệ sĩ và nguồn nhân lực có chuyên môn tham gia hoạt động giáo dục nghệ thuật theo quy định, bảo đảm thiết thực, hiệu quả và an toàn.

vii) Giáo dục thể chất và y tế trường học

Tổ chức hiệu quả môn Giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học; chú trọng rèn luyện thể chất, chăm sóc sức khỏe và phòng, chống tai nạn, thương tích. Rà soát, bố trí đội ngũ, cơ sở vật chất, sân bãi và thiết bị để tổ chức các môn thể thao tự chọn được quy định trong môn Giáo dục thể chất theo Chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của học sinh và điều

kiện của nhà trường.

Triển khai Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 03/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội về phát triển thể chất và thể thao trong các trường mầm non, tiểu học giai đoạn 2026 - 2030: duy trì nghiêm thể dục buổi sáng khoảng 15 - 20 phút/ngày; thực hiện 03 tiết/tuần hoạt động giáo dục thể chất và thể thao ở tiểu học, gồm 02 tiết Giáo dục thể chất theo CTGDPT và 01 tiết tăng cường tổ chức theo môn thể thao phù hợp trong buổi học thứ hai; lựa chọn, tổ chức tối thiểu 02 môn thể thao phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu học sinh; tăng cường bơi, kỹ năng an toàn trong môi trường nước và phòng, chống đuối nước.

Tích hợp bài tập thể dục bằng tiếng Anh: nghiên cứu triển khai ngân hàng 7 - 10 bài tập thể dục buổi sáng theo nhạc, trong đó tối thiểu 70% số bài sử dụng khẩu lệnh, hướng dẫn hoàn toàn bằng tiếng Anh.

Hoạt động phong trào và Sổ sức khỏe: Tổ chức tối thiểu 01 giải thi đấu thể thao hằng năm; trên 95% trường thành lập CLB thể thao; triển khai Sổ sức khỏe điện tử theo dõi chỉ số chiều cao, cân nặng, thể lực để phân loại hỗ trợ dinh dưỡng học đường.

Tổ chức theo dõi, đánh giá thể lực - tầm vóc học sinh theo hướng dẫn của Thành phố và Sở GDĐT; sử dụng kết quả để tư vấn, hỗ trợ và điều chỉnh hoạt động giáo dục phù hợp, không tạo áp lực hoặc sử dụng kết quả để xếp hạng học sinh.

viii) Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống

Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống và trách nhiệm công dân; xây dựng văn hóa học đường; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; hình thành ở học sinh các giá trị cốt lõi của con người Việt Nam, lòng yêu nước, ý thức thượng tôn pháp luật, khát vọng cống hiến và trách nhiệm xã hội.

Chú trọng giáo dục kỹ năng giao tiếp, ứng xử văn hóa, tự bảo vệ bản thân, phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em và các nguy cơ mất an toàn; tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa và kỹ năng sống cho học sinh.

* Giải pháp thực hiện

**-Chọn nội dung GDĐP phù hợp với đặc thù đối tượng HS của trường, có gắn với thực tiễn nơi HS đang cư trú.**

**-Lựa chọn những mô hình trang trại giáo dục phù hợp khi đưa HS hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường.**

**-Chú ý CLB STEM ngoài giờ và tích hợp giáo dục STEM vào các môn học Toán, Khoa học …**

**-Khuyến khích sử dụng công nghệ AI vào bài dạy; tích hợp dạy AI cho HS ở các môn học. Đảm bảo thời lượng mỗi học kì 6 tiết AI/lớp.**

**-Tăng cường giao tiếp tiếng Anh, khuyến khích dạy tích hợp tiếng Anh ở tất cả các môn học.**

**-Chú ý giáo dục thể chất và nghệ thuật trong chương trình chính khóa và các loại hình CLB, phát hiện HS năng khiếu và bồi dưỡng đội tuyển.**

**-Giáo viên CN phối hợp với giáo viên KNS chú ý rèn các kĩ năng tối thiểu cho HS theo từng độ tuổi; tăng cường tuyên truyền phổ biến pháp luật bằng các chuyên đề.**

## 2.2. BẢO ĐẢM CÁC ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TIỂU HỌC

### a) Phát triển mạng lưới trường, lớp

Trường liên cấp Tiểu học - Trung học cơ sở bảo đảm quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó đặc biệt quan tâm đến khối phòng học tập, khối phụ trợ được bố trí thành phân khu riêng biệt.

Khu sân chơi, bãi tập, thể dục thể thao bố trí dụng cụ, thiết bị vận động phù hợp cho từng cấp học; bảo đảm các quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.

*Giải pháp thực hiện:

**- Hiện nay, trường đã có các khối phòng học riêng biệt; các phòng chức năng, phòng bộ môn, khối phòng phụ trợ được bố trí khá hợp lí.**

**- Đảm bảo hệ thống cơ sở vật chất phục vụ việc dạy và học.**

**- Có đầy đủ sân chơi, bãi tập cho học sinh.**

### b) Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa, tài liệu và học liệu

Là đơn vị giáo dục tư thục, tự chủ về kinh tế, Ban Giám hiệu tham mưu HĐQT bố trí nguồn lực, từng bước bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn, đặc biệt chú trọng đầu tư phòng học thực hành, trải nghiệm STEM, từng bước hướng tới hiện đại hóa cơ sở vật chất cho giáo dục phổ thông theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Chính phủ và Bộ, Sở GDĐT;

Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có, khắc phục tình trạng "thiết bị đến trường mà không ra lớp";

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, phát triển và khai

thác kho học liệu số của ngành giáo dục; đẩy mạnh việc sử dụng học liệu số để hỗ trợ giáo viên trong tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

Chủ động triển khai hiệu quả, thiết thực các hoạt động thư viện; sắp xếp bố trí nhân viên thư viện đúng chuyên môn; xây dựng thời khóa biểu dành cho tiết đọc thư viện và tiết học tại thư viện theo quy định. Nhân rộng mô hình thư viện thân thiện phù hợp với điều kiện thực tế của trường. Triển khai hiệu quả các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT nhằm tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động thư viện trong trường tiểu học.

Tư vấn phụ huynh đăng ký đầy đủ, kịp thời nhu cầu sách giáo khoa theo từng khối lớp, phối hợp với các nhà xuất bản và các đơn vị được uỷ quyền phát hành để tổ chức cung ứng sách giáo khoa đúng tiến độ, bảo đảm học sinh có sách học ngay từ đầu năm học;

Rà soát, huy động, khai thác hiệu quả nguồn sách giáo khoa đã sử dụng từ các năm học trước, tổ chức bổ sung vào thư viện nhà trường để phục vụ nhu cầu mượn - đọc cho giáo viên, học sinh;

Chủ động cập nhật nội dung sách giáo khoa các môn học/hoạt động giáo dục, tài liệu giáo dục địa phương phù hợp với việc thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và điều chỉnh địa giới hành chính xã, phường; hướng dẫn giáo viên chủ động rà soát, điều chỉnh ngữ liệu trong bài học, chủ đề nhằm phù hợp với thực tiễn.

*Giải pháp thực hiện:

**- Có kế hoạch sử dụng hợp lí phòng học, phòng bộ môn và các phòng chức năng hiện có.**

**- Khuyến khích giáo viên nâng cao trình độ công nghệ thông tin, có ý thức sử dụng công nghệ thông tin hợp lí trong việc dạy học, tránh lạm dụng.**

**- Tiếp tục duy trì và phát huy công tác thư viện trường học trong năm học mới, hướng tới việc xây dựng thư viện điện tử.**

**- Văn phòng phối hợp với giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn phụ huynh đăng kí đầy đủ sách giáo khoa và tài liệu tham khảo.**

**- Liên hệ nhà sách, Công ty cung ứng đầy đủ, kịp thời sách giáo khoa và tài liệu tham khảo trước khi bước vào năm học.**

**- Lưu ý với giáo viên từ đầu năm việc thay đổi địa danh khi sáp nhập các địa phương trong cả nước để bổ sung vào tài liệu giảng dạy.**

**d) Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và nhân sự hỗ trợ giáo dục**

Rà soát số lượng, cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và nhân sự hỗ trợ giáo dục; tham mưu đến HĐQT và bộ phận nhân sự tuyển dụng bảo đảm đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và nhân sự hỗ trợ theo cấp học, môn học.

Tăng cường bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo yêu cầu vị trí việc làm và yêu cầu thực hiện CTGDPT; chú trọng bồi dưỡng năng lực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, dạy học tích hợp, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, giáo dục hòa nhập, giáo dục học sinh dân tộc thiểu số và nâng cao năng lực quản trị nhà trường.

Phát huy đội ngũ giáo viên cốt cán, cán bộ quản lý cốt cán trong hỗ trợ chuyên môn; tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục và theo cụm trường thiết thực, bám sát CTGDPT, nhiệm vụ năm học và nhu cầu phát triển nghề nghiệp của đội ngũ; tránh hình thức, không làm phát sinh các quy định và thủ tục hành chính không cần thiết.

*Giải pháp thực hiện:

**- Tham mưu với HĐQT và Nhân sự tuyển đúng, đủ và đảm bảo đội ngũ trước khi bước vào năm học mới.**

**- Có thiết chế phù hợp trong Hệ thống khi điều động giáo viên khi có yêu cầu.**

**- Rà soát, bổ nhiệm Khối trưởng, Khối phó phù hợp với năng lực chuyên môn và quản lí.**

**- Sinh hoạt chuyên môn thống nhất trong Hệ thống; có Kế hoạch chuyên môn tổng thể cả năm.**

**- Khuyến khích khả năng tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.**

**- Tăng cường dự giờ và đổi mới thực hiện chuyên đề.**

## 2.3. ĐỔI MỚI QUẢN LÝ GIÁO DỤC, NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ NHÀ TRƯỜNG VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

### a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục tiểu học trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

Phối hợp chặt chẽ với phòng Văn hóa – Xã hội phường, bảo đảm quản lý thông suốt, không làm gián đoạn hoạt động dạy học; thực hiện theo các quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và các văn bản có liên quan.

Tiếp nhận các hướng dẫn chuyên môn, kiểm tra, hỗ trợ nhà trường của Sở; thiết lập cơ chế phối hợp với UBND phường trong quản lý học sinh, thực hiện

giáo dục bắt buộc, cơ sở vật chất, an toàn trường học, chính sách hỗ trợ, bán trú, học sinh bỏ học và cập nhật dữ liệu.

**b) Nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường**

Phát huy quyền chủ động của Phó hiệu trưởng gắn với trách nhiệm giải trình trong quản trị nhà trường; Phó hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục, cải tiến chất lượng, bảo đảm an toàn, công khai và dân chủ ở cấp mình phụ trách.

Nhà trường sử dụng kết quả học tập, rèn luyện, chuyên cần, phản ánh của học sinh, cha mẹ học sinh, dữ liệu đội ngũ, cơ sở vật chất và điều kiện dạy học để điều chỉnh kế hoạch giáo dục, phân công giáo viên, hỗ trợ học sinh, cải tiến chất lượng và giải trình với tổ chức, cá nhân liên quan. Thực hiện công khai các nội dung theo quy định; phát huy vai trò giám sát của giáo viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

Tăng cường quản lý hoạt động liên kết giáo dục với nước ngoài, chương trình giáo dục tích hợp; chỉ triển khai khi đáp ứng đủ điều kiện và đúng nội dung được phê duyệt; bảo đảm quyền lợi người học, công khai chương trình, đối tác, đội ngũ, cơ sở vật chất, tài chính, dữ liệu và chuẩn đầu ra.

**c. Chuyển đổi số, học bạ số và quản trị dữ liệu giáo dục**

Triển khai học bạ số, học liệu số, tuyển sinh trực tuyến và các ứng dụng công nghệ số trong quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá. Bảo đảm toàn bộ Học bạ số được cập nhật đầy đủ, kịp thời; dữ liệu Học bạ số kết nối với Cơ sở dữ liệu Học bạ số của Bộ và liên thông với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục; không yêu cầu học sinh, cha mẹ học sinh cung cấp lại thông tin đã có trên hệ thống.

Cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu giáo dục bảo đảm đúng, đầy đủ, kịp thời, thống nhất, an toàn và dùng chung giữa các cấp quản lý; bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định. Dữ liệu về học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất phải liên thông với dữ liệu giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục, phục vụ thống nhất công tác quản lý, dự báo, điều hành và phân bổ nguồn lực.

Khai thác dữ liệu để phát hiện kịp thời thiếu hụt về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, chính sách hỗ trợ và các nguy cơ có ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn. Không yêu cầu cung cấp lại dữ liệu đã có trên hệ thống hoặc trong hồ sơ chuyên môn; không phát sinh hồ sơ, sổ sách ngoài quy định.

* Giải pháp thực hiện:

**- Sử dụng công nghệ số hóa trong quản lý; app quản lý học sinh, số hóa Hồ sơ theo dõi, đánh giá học sinh, Hồ sơ giáo viên…**

**- Tiếp tục triển khai Học bạ số trong năm học.**

**- Cập nhật và ứng dụng công nghệ số trong quản trị trường học.**

**2.4. BẢO ĐẢM AN TOÀN, KỶ CƯƠNG TRƯỜNG HỌC VÀ TĂNG CƯỜNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT**

a. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, kỷ cương

Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; thực hiện hiệu quả công tác bảo đảm an toàn trường học, xây dựng văn hóa học đường, tăng cường quản lý đạo đức nhà giáo, văn hóa ứng xử; chủ động phòng ngừa, phát hiện, xử lý nghiêm bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, tai nạn, thương tích, đuối nước, mất an toàn thực phẩm, tệ nạn và nguy cơ trên không gian mạng.

Bảo đảm an toàn đối với học sinh bán trú; quản lý chặt chẽ việc ăn, ở, sinh hoạt, học tập, chăm sóc sức khỏe, tư vấn tâm lý; phòng, chống bạo lực, xâm hại; kịp thời phát hiện và hỗ trợ học sinh có khó khăn tâm lý, áp lực học tập và nguy cơ trên môi trường số.

b. Quản lý dạy thêm, học thêm; các khoản thu, chi, tài trợ và huy động nguồn lực xã hội

Thực hiện nghiêm quy định về dạy thêm, học thêm; nâng cao chất lượng dạy học trong nhà trường và giảm áp lực học tập cho học sinh. Thực hiện đúng quy định về công khai, quản lý tài chính, thu, chi, tài trợ, huy động nguồn lực xã hội và hoạt động phối hợp, liên kết; bảo đảm tự nguyện, công khai, minh bạch, đúng mục đích, đúng thẩm quyền. Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý hành vi lạm thu, ép buộc đóng góp, ép buộc học thêm hoặc lợi dụng hoạt động giáo dục, tài trợ và huy động nguồn lực xã hội để thu các khoản trái quy định.

Quản lý chặt chẽ việc sử dụng xuất bản phẩm tham khảo; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên không được lợi dụng vị trí công tác để ép buộc hoặc vận động học sinh, cha mẹ học sinh mua sách, tài liệu, học liệu không bắt buộc.

c. Kiểm tra, giám sát, tiếp nhận và xử lý phản ánh

Tăng cường kiểm tra, giám sát các nội dung tác động trực tiếp đến quyền lợi học sinh, chất lượng giáo dục và điều kiện bảo đảm; tập trung vào lĩnh vực có nguy cơ phát sinh vi phạm hoặc phản ánh kéo dài. Việc kiểm tra, giám sát phải có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên dữ liệu và tình hình thực tiễn nhằm hỗ trợ, chấn chỉnh, tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng giáo dục.

Kịp thời tiếp nhận, xử lý và phản hồi các phản ánh, kiến nghị về hoạt động giáo dục; xác định rõ trách nhiệm và thời hạn giải quyết. Chủ động cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về nhiệm vụ năm học, kết quả đổi mới giáo dục phổ thông

và chính sách đối với học sinh, giáo viên, cơ sở giáo dục, tạo đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

*Giải pháp thực hiện:

**- Xây dựng các kế hoạch đầy đủ về an ninh, an toàn trường học, phòng chống cháy nổ, chăm sóc sức khỏe, vệ sinh an toàn thực phẩm…**

**- Tăng cường giáo dục kĩ năng sống và tư vấn tâm lý học đường cho học sinh.**

**- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.**

**- Siết chặt quản lý dạy thêm, học thêm trong và ngoài nhà trường.**

## 2.5. PHÁT ĐỘNG CÁC PHONG TRÀO THI ĐUA VÀ ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG

a. Tiếp tục phát động và tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học và quản lý đối với cấp tiểu học, đảm bảo tính lan tỏa, hiệu quả, thiết thực, phù hợp điều kiện địa phương, gắn với phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập" nhằm tạo động lực nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Triển khai các hoạt động cụ thể bám sát mục tiêu giáo dục, các tiêu chí thi đua theo hướng dẫn của Bộ GDĐT để thực hiện có chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ giáo dục tiểu học, góp phần tạo sự chuyển biến trong toàn trường và hướng đến sự đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Triển khai các mô hình hay, sáng tạo: "Xây dựng trường học hạnh phúc"; "Mỗi trường học, mỗi lớp học là một không gian sáng tạo"; "Trường học sáng - xanh - sạch - đẹp"; "Ngày giao tiếp bằng tiếng Anh, giờ học bằng tiếng Anh";…

Tiếp tục xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện hiệu quả phong trào "Nhà trường cùng chung tay phát triển - Thầy cô cùng sẻ chia trách nhiệm" trong năm học 2026 - 2027 và các năm tiếp theo.

Tích cực hưởng ứng các hoạt động thi đua chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện chính trị quan trọng trong năm 2026, 2027.

b. Chủ động xây dựng tổ chức truyền thông đa phương tiện nhằm tuyên truyền, định hướng các chủ trương, chính sách mới về giáo dục; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông tại địa phương (trường, phường); đẩy mạnh truyền thông về nội dung, giải pháp, điều kiện thực hiện CTGDPT để tạo sự đồng thuận giữa nhà trường, gia đình và xã hội; truyền thông về các điển hình tiên tiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả, sáng tạo trong thực hiện CTGDPT tạo sự lan toả trong trường và Hệ thống.

Khuyến khích đội ngũ nhà giáo, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục viết bài

và đưa tin các hoạt động của trường về việc triển khai thực hiện CTGDPT, gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học,... để tạo sức lan tỏa sâu rộng trong Hệ thống.

**B. Cấp THCS**

**1. NHIỆM VỤ CHUNG**

1. Đổi mới dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục: Tập trung tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) của Bộ GDĐT theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung số 20/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021, số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022, số 7/2025/TT-BGDĐT ngày 12/9/2025; quyết liệt đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, đa dạng hóa các hoạt động giáo dục tích hợp kĩ năng để phát triển toàn diện. Triển khai dạy học 2 buổi/ngày tại các cơ sở giáo dục THCS có đủ điều kiện và tổ chức sinh hoạt hè cho học sinh theo đúng Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/6/2025 của Chính phủ và Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT. Đồng thời, đẩy mạnh giáo dục STEM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), giáo dục hướng nghiệp, phân luồng sau THCS và nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh để từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

2. Bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục và duy trì phổ cập: Thực hiện nghiêm túc quy định về giáo dục bắt buộc và bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục theo Luật số 123/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học mới 2026-2027 với chủ đề "Đổi mới tư duy, chuyển biến mạnh mẽ, kết quả thực chất". Duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 toàn Thành phố, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để đón đoàn kiểm tra của Bộ GDĐT kiểm tra công nhận lại; song song đó, triển khai thực chất, hiệu quả công tác giáo dục dân tộc và giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật (nếu có).

3. Sắp xếp mạng lưới trường lớp và phát triển đội ngũ: Chủ động bảo đảm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và sắp xếp hợp lý mạng lưới trường, lớp nhằm bảo đảm các cơ sở giáo dục hoạt động ổn định, thông suốt ngay từ đầu năm học. Kịp thời có giải pháp phù hợp hỗ trợ chính quyền địa phương thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục trong bối cảnh sáp nhập địa giới hành chính, sáp nhập trường học và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp theo Kế hoạch số 1186/KH-BGDĐT ngày 26/6/2026, Công văn số 4054/BGDĐT-GDPT ngày 30/6/2026 của Bộ GDĐT và

Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 10/7/2026 của UBND Thành phố triển khai sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và trường chuyên biệt công lập trên địa bàn Hà Nội. Ngoài ra, tiến hành thành lập các cụm trường học theo vùng để thuận lợi cho việc chỉ đạo, hỗ trợ sinh hoạt chuyên môn theo hướng dẫn tại Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026 của Bộ GDĐT.

4. Hiện đại hóa quản trị học đường và cải cách hành chính: Đẩy mạnh đổi mới quản lý giáo dục phổ thông và quản trị nhà trường gắn liền với chuyển đổi số toàn diện; trong đó tập trung triển khai sâu rộng học bạ số, giáo dục năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Các cơ sở giáo dục quyết liệt giảm thiểu hồ sơ, thủ tục hành chính không cần thiết; bảo đảm phát huy dân chủ, giữ vững kỷ cương, nề nếp, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, đồng thời tổ chức tốt các phong trào thi đua thiết thực trong năm học.

5. Xây dựng môi trường an toàn và quản lý dạy thêm, học thêm: Quyết tâm xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và nâng cao trách nhiệm giải trình của người đứng đầu.

Tập trung quản lý chặt chẽ, đúng quy định hoạt động dạy thêm, học thêm trong và ngoài nhà trường theo Thông tư số 19/2026/TT-BGDĐT ngày 31/3/2026 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024), Thông tư số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/4/2026 của Bộ GDĐT và Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 01/6/2026 quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn Hà Nội.

6. Tham gia sự kiện quốc tế: Tập trung huy động nguồn lực, chuẩn bị chu đáo và đầy đủ các điều kiện để tham gia Cuộc thi Olympic Thiên văn và Vật lý thiên văn quốc tế (IOAA) năm 2026.

**2. NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

**2.1. I. Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông và nâng cao chất lượng dạy học, kiểm tra, đánh giá**

Tiếp tục xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường trên cơ sở Chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với điều kiện thực tế về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị và học liệu. Kế hoạch của trường phải bảo đảm đầy đủ yêu cầu cần đạt của Chương trình; không cắt xén nội dung, thời lượng hoặc tổ chức thực hiện mang tính hình thức theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; Công văn số 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23/6/2021 về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2021-2022;

Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học; Công văn số 4659/SGDĐT-GDPT ngày 31/12/2020 của Sở GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Phụ lục kèm theo các Công văn này được sử dụng để tham khảo trong việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, kế hoạch giáo dục của giáo viên, kế hoạch bài dạy (giáo án). Thực hiện quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục THCS xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Kế hoạch giáo dục của nhà trường được Hiệu trưởng phê duyệt theo quy định, báo cáo UBND phường. Các hoạt động chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra của cấp trên phải dựa trên kế hoạch giáo dục này.

Tổ chức các hoạt động hỗ trợ học sinh lớp 6 chuyển tiếp từ tiểu học lên THCS. Hướng dẫn phương pháp học tập, kĩ năng tự học, quản lý thời gian và thực hiện nề nếp học tập. Rà soát, hỗ trợ kịp thời học sinh có kết quả học tập chưa vững ở tiểu học, học sinh chuyển trường, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh gặp khó khăn trong thích nghi hoặc có nguy cơ nghỉ học dài ngày.

- Tổ chức các nội dung giáo dục bổ trợ và môi trường giáo dục theo Hướng dẫn số 4079/HD-SGDĐT ngày 10/8/2026 của Sở GDĐT: Trong kế hoạch giáo dục, nhà trường xác định rõ việc tổ chức giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật, giáo dục cảm xúc – xã hội và sức khỏe tinh thần, xây dựng môi trường đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai; thực hiện tích hợp vào chương trình, hoạt động giáo dục hiện có, không hình thành môn học bắt buộc mới, không tăng thời lượng chính khóa, không gây quá tải. Căn cứ điều kiện thực tế, nhà trường chủ động bố trí hoạt động theo lớp, địa điểm, tuần/tháng; tạo cơ hội để học sinh tự nguyện lựa chọn ít nhất một hình thức thể thao và một nhạc cụ hoặc loại hình nghệ thuật phù hợp. Thực hiện linh hoạt việc tích hợp vào môn học, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp, câu lạc bộ và các hoạt động giáo dục khác; khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, đội ngũ và các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn. Lưu ý các nội dung:

+ Giáo dục thể chất: Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục thể chất, hình thành thói quen vận động thường xuyên, phát triển thể lực và kỹ năng vận động cho học sinh. Đa dạng hóa các hình thức tập luyện, hoạt động thể thao phù hợp lứa tuổi, điều kiện thực tế; tạo cơ hội để học sinh lựa chọn hình thức vận động phù hợp sở thích, năng lực và sức khỏe. Bảo đảm an toàn và thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Bộ GDĐT và Thành phố.

Tổ chức hiệu quả môn Giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học; chú trọng rèn luyện thể chất, chăm sóc sức khỏe và phòng, chống tai nạn, thương tích. Rà soát, sân bãi và thiết bị để tổ chức các môn thể thao tự chọn được quy định trong môn Giáo dục thể chất theo Chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của học sinh và điều kiện của nhà trường.

+ Giáo dục nghệ thuật: Tăng cường giáo dục thẩm mỹ, phát triển năng lực cảm thụ, sáng tạo và biểu đạt nghệ thuật của học sinh; khuyến khích tổ chức các hoạt động âm nhạc, mỹ thuật, sân khấu, nghệ thuật truyền thống và các loại hình phù hợp. Khai thác hiệu quả nghệ thuật, di sản của địa phương; tạo cơ hội để học sinh tham gia theo sở thích và năng lực, tránh hình thức, áp đặt hoặc chạy theo thành tích.

Tổ chức dạy học đồng thời hai nội dung Âm nhạc và Mĩ thuật, bảo đảm cân đối thời lượng trong từng học kỳ; xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với điều kiện của nhà trường. Tổ chức đa dạng hoạt động giáo dục nghệ thuật trong và ngoài giờ học thông qua môn học, hoạt động giáo dục. Khuyến khích học sinh sáng tạo, biểu diễn, cảm thụ nghệ thuật; tiếp cận có chọn lọc nghệ thuật đương đại phù hợp với lứa tuổi.

+ Giáo dục cảm xúc – xã hội (EQ) và sức khỏe tinh thần: Chú trọng hình thành cho học sinh năng lực nhận biết, quản lý cảm xúc, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và thích ứng với thay đổi; tăng cường xây dựng môi trường học đường an toàn, thân thiện, hạnh phúc. Lồng ghép phù hợp trong môn học, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp và công tác chủ nhiệm; kịp thời phát hiện, hỗ trợ học sinh có khó khăn về tâm lý, bảo đảm nguyên tắc tôn trọng, bảo mật và không gắn nhãn người học.

+ Xây dựng môi trường đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai: Từng bước tổ chức dạy học, giao tiếp và sử dụng tiếng Anh trong nhà trường theo Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Chính phủ, Công văn số 3805/BGDĐT-GDPT ngày 22/6/2026 của Bộ GDĐT, Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 12/01/2026 của Thành ủy và Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 06/7/2026 của UBND Thành phố. Căn cứ điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và học sinh, mở rộng môi trường giao tiếp, thực hành và sử dụng tiếng Anh trong các môn học, hoạt động giáo dục và sinh hoạt nhà trường; khuyến khích phát triển không gian, câu lạc bộ và các hoạt động trải nghiệm bằng tiếng Anh; phát huy vai trò của giáo viên và các nguồn lực xã hội.

- Rà soát, cập nhật tài liệu, học liệu; bảo đảm nội dung dạy học phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông. Bố trí thời gian thực hiện chương trình một cách khoa học, sư phạm, hiệu quả, không gây áp lực đối với học sinh; bảo đảm đến cuối năm học, học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình. Kế hoạch giáo dục của nhà trường cần quan tâm đến việc phân hóa đối tượng học sinh, có giải pháp bồi dưỡng học sinh giỏi, tổ chức ôn tập hiệu quả cho học sinh cuối cấp, hỗ trợ học sinh có kết quả học tập chưa đạt yêu cầu theo quy định. Kế hoạch giáo dục của nhà trường thể hiện việc huy động đầy đủ nguồn lực, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có, bảo đảm tính thực tiễn, linh

hoạt, khả thi. Tăng cường tư vấn hướng nghiệp, phân luồng; hỗ trợ học sinh lựa chọn lộ trình học tập sau THCS phù hợp với năng lực, sở thích. Trong đó, thực hiện hiệu quả các nội dung sau:

+ Môn Ngữ văn: Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và Sở GDĐT. Cấp THCS tại Lômônôxốp Tây Hà Nội dạy Ngữ văn theo hướng tích hợp liên văn bản về thể loại và nội dung;

+ Môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: Phân công giáo viên phù hợp với chuyên môn; tổ chức dạy học bảo đảm đầy đủ yêu cầu cần đạt, không chia cắt cơ học nội dung môn học. Đối với nội dung Lịch sử, tăng cường khai thác tư liệu, gắn dạy học với hoạt động thực hành, trải nghiệm nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thiết thực, an toàn, phù hợp lứa tuổi và điều kiện thực tế; gắn với kỹ năng sống, trách nhiệm cá nhân, cộng đồng và định hướng nghề nghiệp, giúp học sinh nhận biết sở thích, năng lực và lựa chọn lộ trình học tập sau trung học cơ sở.

Hoạt động ngoài nhà trường phải có kế hoạch, phương án an toàn và phối hợp với các bên liên quan.

+ Nội dung giáo dục địa phương: Thực hiện dạy học và kiểm tra, đánh giá theo Tài liệu giáo dục địa phương thành phố Hà Nội và các hướng dẫn của Sở GDĐT; ưu tiên phân công giáo viên phù hợp chuyên môn, xây dựng kế hoạch dạy học gắn với các môn học liên quan và thực tiễn địa phương; hỗ trợ học liệu dùng chung và sinh hoạt chuyên môn tại nơi còn khó khăn; giáo viên trực tiếp giảng dạy chủ đề thực hiện kiểm tra, đánh giá theo quy định tại Công văn số 5889/BGDĐT-GDTH ngày 27/9/2024 về việc tăng cường công tác chỉ đạo về biên soạn, tổ chức dạy học, in và phát hành tài liệu giáo dục địa phương và hướng dẫn của Sở GDĐT.

+ Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống: Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống và trách nhiệm công dân; xây dựng văn hóa học đường; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; hình thành ở học sinh các giá trị cốt lõi của con người Việt Nam, lòng yêu nước, ý thức thượng tôn pháp luật, khát vọng cống hiến và trách nhiệm xã hội.

+ Giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật: Tổ chức giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật phù hợp với mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông, điều kiện nhà trường và năng lực học sinh, thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; gắn với môn học, hoạt động giáo dục, chuyên đề học

tập, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp STEM. Chú trọng hình thành tư duy khoa học, tư duy thiết kế, năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác và vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; kết hợp giáo dục STEM với phát triển năng lực số cho học sinh thông qua các chủ đề, bài học có ứng dụng công nghệ số, công cụ số và trí tuệ nhân tạo phù hợp. Khuyến khích khai thác hiệu quả thiết bị, học liệu hiện có và các nguồn tư liệu phù hợp tại địa phương; tăng cường phối hợp với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, bảo tàng, thư viện và cơ sở sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế, ưu tiên các mô hình gắn với đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp. Không tổ chức giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật theo phong trào, nặng sản phẩm trình diễn, thiếu chiều sâu chuyên môn hoặc làm phát sinh chi phí không cần thiết.

+ Giáo dục năng lực số và sử dụng trí tuệ nhân tạo: Tổ chức giáo dục phát triển năng lực số, giáo dục trí tuệ nhân tạo và an toàn mạng phù hợp theo Khung năng lực số, Khung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông và các hướng dẫn liên quan. Hướng dẫn học sinh sử dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm, trung thực; phòng ngừa sự phụ thuộc, lạm dụng công nghệ và các nguy cơ trên môi trường số. Kết quả giáo dục năng lực số được xác định theo yêu cầu cần đạt tại văn bản hướng dẫn thực hiện Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ GDĐT quy định Khung năng lực số cho người học; kết quả giáo dục trí tuệ nhân tạo được xác định theo Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo và các hướng dẫn chuyên môn của Bộ GDĐT và Kế hoạch số 3706/KH-SGDĐT ngày 16/9/2025 của Sở GDĐT về việc triển khai thực hiện Khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên; Kế hoạch số 75/KH-SGDĐT ngày 09/01/2026 của Sở GDĐT Hà Nội về việc triển khai thí điểm nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.

Với cán bộ quản lý và giáo viên, thực hiện theo Thông tư 18/2026/TT-BGDĐT ngày 27/3/2026 của Bộ GDĐT Ban hành Khung năng lực số đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Tổ chức đầy đủ các môn học, hoạt động giáo dục; dạy học 2 buổi/ngày phù hợp với điều kiện thực tế, ưu tiên củng cố kiến thức, phát triển năng lực và hỗ trợ học sinh theo Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông. Phải cụ thể hóa các nội dung, thời lượng, thời gian, địa điểm, đối tượng học sinh được tổ chức học 2 buổi/ngày; phân công giáo viên hợp lý, khoa học, bảo đảm đúng quy định về thời gian làm việc, phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường.

- Chú ý khi xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, lựa chọn, tích hợp thiết

thực, phù hợp các nội dung giáo dục về quyền con người; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; bình đẳng giới, chăm sóc mắt và phòng chống mù, lòa; bảo tồn văn hóa dân tộc, chủ quyền biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; sử dụng năng lượng tiết kiệm, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; ứng phó biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai; giáo dục qua di sản; giáo dục an toàn giao thông và các nội dung giáo dục tích hợp khác. Đồng thời hướng dẫn học sinh học tập kiến thức pháp luật về an toàn giao thông đường bộ trên nền tảng Bình dân học vụ số.

***Giải pháp thực hiện:**

**- Bám sát hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học cấp THCS (của Sở GD&ĐT) và Chương trình giáo dục (Kế hoạch giáo dục) của năm trước (đã chỉnh sửa, bổ sung) để xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026.**

**- Tích hợp các nội dung giáo dục vào từng môn học một cách hợp lí.**

**- Khi xây dựng Kế hoạch cần chú ý đến đặc trưng từng môn học và điều kiện đặc thù của Nhà trường, cấp học.**

**- Gắn giáo dục tri thức khoa học với rèn luyện đạo đức, thể chất, nghệ thuật...để hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất toàn diện của người học.**

**- Giáo dục nhà trường gắn với giáo dục an ninh quốc phòng.**

**- Quan tâm đến các đối tượng yếu thế (hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật tinh thần...)**

**2.2 Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục**

**a) Phát triển mạng lưới trường, lớp**

Đối với trường liên cấp Tiểu học – Trung học cơ sở, cần bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định, bố trí riêng biệt các khối phòng học, khối phụ trợ, sân chơi, bãi tập, thiết bị vận động và hệ thống phòng học bộ môn phù hợp đặc thù từng cấp học.

Triển khai Đề án phát triển trường chất lượng cao, trường liên cấp hiện đại: Tham mưu cho địa phương xây dựng Đề án phát triển giáo dục giai đoạn 2020-2030; đầu tư nguồn lực, đội ngũ để phát triển mô hình trường liên cấp tiên tiến hiện đại, tạo môi trường giáo dục có chất lượng để thu hút học sinh học tập.

***Giải pháp thực hiện:**

**- Rà soát và bố trí các phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng hợp lý; tăng cường bổ sung thiết bị, đồ dùng dạy học.**

**- Xây dựng Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn đến 2035.**

**b) Đổi mới phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học**

- Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, khả năng tự học và vận dụng kiến thức của học sinh; tăng cường thực hành, thí nghiệm, trải nghiệm và giải quyết vấn đề phù hợp với yêu cầu cần đạt.

- Giáo viên thiết kế và tổ chức bài học bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông; lựa chọn nội dung, phương pháp, học liệu, thiết bị dạy học và hình thức tổ chức dạy học phù hợp; tăng cường ứng dụng công nghệ số, khai thác hiệu quả học liệu số, trí tuệ nhân tạo và tài nguyên giáo dục mở theo hướng dẫn của Bộ GDĐT; kịp thời hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt và tạo cơ hội phát triển đối với học sinh có năng khiếu. Phát huy vai trò của giáo viên trong việc tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ học sinh chủ động, tích cực, tự giác và phát triển năng lực tự học trong suốt quá trình học tập. Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học (trong và ngoài lớp học, trong và ngoài nhà trường), bảo đảm tính hấp dẫn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn nhà trường, góp phần tạo hứng thú học tập và phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất học sinh.

- Khai thác, sử dụng hiệu quả thư viện, phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, thiết bị dạy học và học liệu số. Phối hợp với các cơ sở văn hóa, thể thao, đơn vị quản lý di sản, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cộng đồng địa phương; khai thác phù hợp điều kiện thực tế, phù hợp ở địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục. Hoạt động phải có mục tiêu giáo dục rõ ràng, bảo đảm an toàn, thiết thực, phù hợp lứa tuổi, không hình thức, không làm phát sinh chi phí không cần thiết hoặc tạo áp lực đối với học sinh và cha mẹ học sinh.

- Khuyến khích tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao trên cơ sở tự nguyện của cha mẹ học sinh và học sinh, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và nội dung học tập của học sinh THCS; tăng cường giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy hứng thú học tập của học sinh, bổ sung hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hoá thế giới. Xây dựng kế hoạch cụ thể và thực hiện các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn của Thủ đô và đất nước.

- Tăng cường bồi dưỡng, phát triển năng lực cho giáo viên trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để áp dụng hiệu quả đổi mới phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động dạy học trong bối cảnh hiện nay.

Tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, tổ chức các hội thảo, tọa đàm trao đổi về tổ chức thực hiện chương trình; đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học và điều chỉnh kịp thời kế hoạch dạy học phù hợp

với thực tế; tăng cường phối hợp, huy động, trao đổi giáo viên với các trường trong khu vực để sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có.

***Giải pháp thực hiện:**

**- Bám sát mục tiêu, yêu cầu cần đạt của từng bài dạy để sử dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.**

**- Khuyến khích khả năng chủ động, tự học của học sinh.**

**- Đa dạng hóa các loại hình lớp học: Học tại lớp, học bên ngoài, đi dã ngoại, hoạt động trải nghiệm…**

**- Có ý thức sử dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học.**

c. Đổi mới kiểm tra, đánh giá

- Đảm bảo đánh giá vì sự tiến bộ của người học, gắn với yêu cầu cần đạt của chương trình và phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, trình độ nhận thức của học sinh. Khuyến khích giáo viên tích hợp linh hoạt các hình thức đánh giá như vấn đáp, viết, thực hành, quan sát, sản phẩm học tập, bài kiểm tra trên giấy hoặc trực tuyến, nhằm phản ánh toàn diện quá trình học tập và kết quả rèn luyện của học sinh; kết hợp phù hợp đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 quy định về đánh giá học sinh THCS và học sinh THPT.

- Nội dung kiểm tra, đánh giá phải bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông. Chú trọng đánh giá khả năng hiểu, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; hạn chế yêu cầu ghi nhớ máy móc, học thuộc lòng, làm bài theo khuôn mẫu. Kết quả đánh giá phải được sử dụng để điều chỉnh hoạt động dạy học phù hợp với đối tượng học sinh, phụ đạo học sinh chưa đạt yêu cầu, bồi dưỡng học sinh giỏi, tư vấn học tập, hướng nghiệp và phối hợp với cha mẹ học sinh. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá; bảng năng lực và cấp độ tư duy đánh giá định kì của môn học phù hợp với kế hoạch dạy học; cho học sinh lớp 9 làm quen với định hướng đề thi tuyển sinh vào lớp 10.

- Tăng cường vai trò của tổ chuyên môn trong hướng dẫn, tổ chức xây dựng ma trận, bản đặc tả, câu hỏi, bài kiểm tra và nhiệm vụ học tập phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình; khai thác, sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy học, hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Khuyến khích việc xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra; tăng cường thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập phù hợp với đặc thù môn học, hoạt động

giáo dục. Về việc kiểm tra, đánh giá lại theo quy định Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh trung học, học sinh chưa đủ điều kiện lên lớp có quyền được đánh giá lại đối với các môn học chưa đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 14. Trường hợp không có nguyện vọng được đánh giá lại tất cả các môn học chưa đạt yêu cầu, nhà trường có thể cho học sinh được lựa chọn số môn học để được đánh giá lại và sử dụng kết quả đánh giá lại để xét lên lớp theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này.

***Giải pháp thực hiện:**

**- Tích cực đổi mới các hình thức kiểm tra, đánh giá với học sinh, nhất là việc kiểm tra đánh giá thường xuyên.**

**- Gắn quá trình kiểm tra đánh giá với sự theo dõi mức độ tiến bộ của học sinh.**

**- Thực hiện chuyên đề đổi mới kiểm tra, đánh giá ở các tổ chuyên môn.**

**-Chú ý tính phân loại trong các bài kiểm tra với các loại hình lớp Cơ bản, lớp Mũi nhọn, lớp Tiếng Anh tăng cường để đánh giá đúng đối tượng học sinh.**

**2.2. Thực hiện giáo dục bắt buộc,bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục**

**a. Thực hiện giáo dục bắt buộc**

- Phối hợp cùng UBND phường thực hiện rà soát, cập nhật, đối chiếu dữ liệu trẻ em, học sinh trong độ tuổi giáo dục bắt buộc và phổ cập giáo dục theo địa bàn dân cư; quản lý đầy đủ tình trạng đi học, chưa đi học, bỏ học, chuyển đi, chuyển đến và các trường hợp cần hỗ trợ; bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống", liên thông kịp thời và thống nhất tuyệt đối với Cơ sở dữ liệu ngành.

- Nhà trường chủ động xây dựng kênh thông tin thường xuyên với gia đình, chính quyền, các tổ chức đoàn thể (Đoàn Thanh niên, Hội Khuyến học, Hội Phụ nữ). Kịp thời phát hiện, phân loại và có phương án can thiệp, hỗ trợ sớm đối với những học sinh có nguy cơ gián đoạn học tập do hoàn cảnh gia đình hoặc học lực.

**b. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục**

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn; ưu tiên điều kiện đi học, sách giáo khoa, học liệu, bán trú, nội trú, dinh dưỡng, tư vấn tâm lý và kết nối an sinh xã hội.

**c. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục**

***Giải pháp thực hiện:**

**- Do đặc thù trường TH và THCS Lômônôxốp Tây Hà Nội tuyển sinh trên địa bàn cả Thành phố, không riêng phường Dương Nội nên Nhà trường chỉ phối hợp làm công tác phổ cập khi có yêu cầu (cung cấp số liệu, hỗ trợ nhân lực,,,)**

**- Giao tổ tư vấn Tâm lí học đường rà soát, phân loại học sinh có khó khăn về trí tuệ, cảm xúc...để có biện pháp giáo dục phù hợp.**

**2.3. Bảo đảm các điều kiện thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông**

**a. Mạng lưới trường, lớp**

- Đối với trường liên cấp Tiểu học – Trung học cơ sở, cần bảo đảm tổ chức quản lý, cơ sở vật chất, thiết bị, vệ sinh, nước sạch, an toàn và hoạt động dạy học phù hợp với từng cấp học.

Triển khai Đề án phát triển trường chất lượng cao, trường liên cấp hiện đại: Tham mưu cho địa phương xây dựng Đề án phát triển giáo dục giai đoạn 2020-2030; đầu tư nguồn lực, đội ngũ để phát triển mô hình trường liên cấp tiên tiến hiện đại, tạo môi trường giáo dục có chất lượng để thu hút học sinh học tập.

**b. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa, tài liệu và học liệu**

- Có giải pháp thực hiện bố trí, bảo đảm nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu để triển khai hiệu quả Chương trình GDPT theo quy định. Quản lý, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị và học liệu; đầu tư, mua sắm theo nhu cầu thực tế, tránh lãng phí, khắc phục tình trạng "thiết bị đến trường mà không ra lớp".

- Từ năm học 2026–2027, nhà trường sử dụng thống nhất bộ SGK giáo dục phổ thông theo Quyết định số 3588/QĐ-BGDĐT và bổ sung tại Quyết định số 185/QĐ-BGDĐT. Nhà trường rà soát, xác định đầy đủ danh mục SGK theo từng cấp học, lớp học, môn học và hoạt động giáo dục. Tổ chuyên môn rà soát nội dung SGK đã sử dụng để điều chỉnh kế hoạch dạy học, bổ trợ kiến thức khi cần thiết, bảo đảm yêu cầu cần đạt của chương trình và tính liên tục trong học tập. Trong quá trình sử dụng SGK, nếu gặp khó khăn, vướng mắc thì kịp thời báo cáo Sở GDĐT để tổng hợp, báo cáo Bộ GDĐT xem xét, hướng dẫn, giải quyết.

- Bảo đảm cung ứng đầy đủ, kịp thời sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương, học liệu và thiết bị dạy học tối thiểu trước khi bắt đầu năm học; có giải pháp hỗ trợ, không để học sinh thiếu sách giáo khoa, tài liệu và học liệu do hoàn cảnh khó khăn. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, phát triển và khai thác kho học liệu số của địa phương và ngành giáo dục; đẩy mạnh việc sử dụng học liệu số hỗ trợ giáo viên trong tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

***Giải pháp thực hiện:**

**- Tăng cường bổ sung thiết bị, đồ dùng dạy học và sử dụng hiệu quả trang thiết bị đồ dùng hiện có.**

**- Xây dựng kho học liệu dùng chung ở từng tổ chuyên môn và cả cấp học; có ý thức sử dụng hiệu quả kho học liệu vào giảng dạy và sinh hoạt chuyên môn.**

**- Nâng cao năng lực làm chủ công nghệ ở giáo viên, xây dựng ý thức, kĩ năng sử dụng công nghệ trong hoạt động dạy học.**

**- Hướng dẫn học sinh sử dụng hiệu quả bộ sách giáo khoa; chú ý việc điều chỉnh địa danh hành chính sau sáp nhập Hình thành bảng Phụ lục tra cứu).**

**- Lựa chọn nội dung phù hợp từ bộ Tài liệu giáo dục địa phương của Thành phố Hà Nội có gắn với thực tế địa phương phường Dương Nội.**

**c. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và nhân sự hỗ trợ giáo dục**

- Thực hiện các giải pháp đồng bộ, hiệu quả để tuyển đúng, tuyển đủ giáo viên theo số lượng. Bảo đảm đủ giáo viên để tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học theo Chương trình GDPT; khắc phục tình trạng thiếu hoặc bố trí, sử dụng giáo viên không phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Bố trí giáo viên dạy học liên trường trong cùng hệ thống nhằm sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có, đáp ứng yêu cầu thực tế tại trường;

- Tăng cường bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo yêu cầu vị trí việc làm và yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; chú trọng bồi dưỡng năng lực về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, dạy học môn tích hợp, môn học lựa chọn, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, giáo dục hòa nhập, giáo dục học sinh dân tộc thiểu số và nâng cao năng lực quản trị nhà trường.

- Tham vấn với Phường hình thành các cụm chuyên môn phù hợp với tình hình tổ chức bộ máy chính quyền địa phương hai cấp và sáp nhập đơn vị hành chính, sáp nhập cơ sở giáo dục; bố trí cụm trưởng cụm chuyên môn, Sở sẽ phân công chuyên viên phòng chuyên môn của Sở GDĐT phụ trách cụm để hỗ trợ, tư vấn, giải đáp khó khăn trong quá trình triển khai. Phát huy đội ngũ giáo viên cốt cán, cán bộ quản lý cốt cán trong hỗ trợ chuyên môn; tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục và theo cụm trường thiết thực, bám sát Chương trình giáo dục phổ thông, nhiệm vụ năm học và nhu cầu phát triển nghề nghiệp của đội ngũ; tránh hình thức, không làm phát sinh cấp quản lý trung gian và thủ tục hành chính không cần thiết theo hướng dẫn của Bộ tại Công văn số 4069/BGDĐT-

GDPT ngày 01/7/2026 về việc hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục phổ thông và sinh hoạt cụm chuyên môn và của Sở GDĐT.

- Tham gia các buổi đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí do địa phương tổ chức; tiếp tục thực hiện hiệu quả việc tập huấn cho cán bộ quản lí, giáo viên làm công tác tư vấn hướng nghiệp, tư vấn tâm lý cho học sinh THCS. Xây dựng cơ chế huy động nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, bao gồm: nghệ nhân, nghệ sĩ, vận động viên chuyên nghiệp, tình nguyện viên người nước ngoài tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường, đặc biệt trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao, kỹ năng sống. Tăng cường phối hợp và phát huy hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tại địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện cho học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển năng lực, phẩm chất học sinh theo yêu cầu của Chương trình GDPT.

***Giải pháp thực hiện:**

**- Tham mưu với HĐQT và bộ phận Nhân sự tuyển đúng, đủ, có chất lượng đội ngũ giáo viên có khả năng đáp ứng tốt chương trinh GDPT 2018.**

**- Có cơ chế, thiết chế phù hợp để huy động nguồn lực xã hội vào hoạt động giáo dục ở các môn năng khiếu.**

**- Quan tâm bồi dưỡng, phát triển nguồn lực tại chỗ.**

**- Bổ sung 01 Phó Hiệu trưởng Chuyên môn thuộc lĩnh vực Khoa học tự nhiên.**

**- Tăng cường chất lượng sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài dạy.**

**- Chú ý đối tượng giáo viên trong tương lai có khả năng đảm nhiệm việc giảng dạy liên môn và dạy bằng tiếng Anh các môn (Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý…)**

**- Chú ý bồi dưỡng đội ngũ giáo viên cốt cán ở các tổ chuyên môn làm nòng cốt về chuyên môn.**

**- Có lộ trình nâng cao năng lực tiếng Anh phổ thông của giáo viên và cán bộ quản lý**

**d. Bảo đảm chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia**

- Thực hiện nghiêm túc, thực chất công tác bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định tại Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định có liên quan. Xác định bảo đảm chất lượng giáo dục là nhiệm vụ thường xuyên,

liên tục, gắn với công tác quản trị nhà trường, tổ chức các hoạt động giáo dục, phát triển đội ngũ, bảo đảm các điều kiện giáo dục và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục học sinh; không chạy theo hồ sơ, hình thức hoặc thành tích.

- Tổ chức tự đánh giá đúng thực trạng, khách quan, toàn diện; sử dụng kết quả tự đánh giá, dữ liệu quản lý và kết quả giáo dục để xác định điểm mạnh, hạn chế, nguyên nhân và những nội dung cần ưu tiên cải thiện. Bảo đảm thông tin, dữ liệu, minh chứng phục vụ tự đánh giá chính xác, phù hợp, có khả năng kiểm chứng; không tạo lập hồ sơ, minh chứng chỉ nhằm phục vụ đánh giá.

- Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp với điều kiện thực tế, xác định rõ mục tiêu, nội dung, giải pháp, thời gian, trách nhiệm, nguồn lực và kết quả cần đạt. Ưu tiên khắc phục những hạn chế tác động trực tiếp đến chất lượng dạy học, kết quả giáo dục học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, an toàn trường học và hiệu quả quản trị. Định kỳ rà soát, đánh giá kết quả và điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết.

- Tăng cường sử dụng dữ liệu về học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất, kết quả học tập và rèn luyện, công tác quản trị và các điều kiện bảo đảm chất lượng để phân tích, nhận diện vấn đề, phục vụ việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch phát triển nhà trường, phân bổ nguồn lực và triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng.

- Chủ động rà soát mức độ đáp ứng các yêu cầu theo quy định; xác định rõ những tiêu chí, điều kiện còn thiếu hoặc chưa bền vững; xây dựng lộ trình, kế hoạch khắc phục khả thi. Việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia phải gắn với nâng cao chất lượng giáo dục thực chất, ưu tiên hoàn thiện các điều kiện thiết yếu phục vụ trực tiếp hoạt động dạy học, giáo dục và bảo đảm an toàn cho học sinh.

- Tham mưu với các cơ quan quản lý giáo dục theo phân cấp tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác bảo đảm chất lượng; sử dụng kết quả tự đánh giá, dữ liệu chất lượng và kết quả cải tiến để tham mưu giải pháp nâng cao chất lượng. Tập trung kiểm tra thực chất hoạt động bảo đảm chất lượng và kết quả cải tiến, hạn chế yêu cầu cơ sở giáo dục tạo lập hồ sơ, minh chứng không cần thiết.

- Thực hiện công khai, minh bạch kết quả bảo đảm chất lượng theo quy định; phát huy trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và các bên liên quan trong quá trình cải tiến, nâng cao chất lượng. Kết quả bảo đảm chất lượng phải trở thành căn cứ quan trọng trong quản trị và phát triển nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và xây dựng, duy trì, nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia

2.4. **Đổi mới quản lý giáo dục, nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường và**

**chuyển đổi số, bảo đảm an toàn, kỷ cương trường học và tăng cường kiểm tra, giám sát**

**a. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp**

- Bảo đảm quản lý thông suốt, không làm gián đoạn hoạt động dạy học. Kịp thời tổng hợp những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp để hướng dẫn hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết, nhất là những vấn đề liên quan đến tổ chức mạng lưới trường lớp, đội ngũ, học sinh, tài chính, cơ sở vật chất, dữ liệu và việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học, nhà giáo.

- Chủ động tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên; xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế; thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo, cập nhật dữ liệu; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền để được hướng dẫn, giải quyết. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý có thẩm quyền về việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ của nhà trường, chất lượng giáo dục, an toàn trường học, quản lý đội ngũ, học sinh, tài chính, tài sản và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định.

- Tăng cường cơ chế phối hợp giữa nhà trường và các cơ quan, đơn vị liên quan trong quản lý học sinh, nhất là học sinh có nguy cơ bỏ học, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh thuộc diện được hưởng chính sách; trong thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục, tuyển sinh, chuyển trường, quản lý hồ sơ và dữ liệu học sinh; bảo đảm an toàn trường học; đầu tư, sửa chữa, mua sắm, khai thác và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; thực hiện các chính sách hỗ trợ người học và nhà giáo. Đẩy mạnh quản lý, khai thác và sử dụng thống nhất, hiệu quả cơ sở dữ liệu giáo dục; bảo đảm dữ liệu về học sinh, đội ngũ, trường lớp, cơ sở vật chất và kết quả giáo dục đầy đủ, chính xác, kịp thời, thống nhất giữa các cấp quản lý. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với chất lượng dữ liệu; hạn chế tối đa việc báo cáo trùng lặp, nhiều lần, bằng nhiều hình thức khác nhau.

- Trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhà trường phải xác định rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, nội dung công việc, thời hạn hoàn thành và trách nhiệm của người đứng đầu; tăng cường trao đổi, phối hợp trực tiếp để xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, không để việc thay đổi mô hình tổ chức, địa giới hành chính hoặc đầu mối quản lý ảnh hưởng đến quyền lợi của học sinh, hoạt động dạy học và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục. Tiếp tục tổ chức thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông theo quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền trong mô hình chính quyền địa phương

02 cấp; bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn và rõ kết quả, không để xảy ra khoảng trống, chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ; bảo đảm hoạt động giáo dục được triển khai liên tục, ổn định, thống nhất trên địa bàn phường.

**c. Nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường**

- Phát huy quyền chủ động của hiệu trưởng gắn với trách nhiệm giải trình trong quản trị nhà trường; hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục, cải tiến chất lượng, bảo đảm an toàn, công khai và dân chủ.

- Tiếp tục đổi mới quản trị nhà trường theo hướng tự chủ, dân chủ, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và lấy chất lượng, sự tiến bộ của học sinh làm trung tâm. Phát huy đầy đủ quyền chủ động, vai trò và trách nhiệm của hiệu trưởng trong tổ chức, điều hành hoạt động nhà trường; bảo đảm mọi quyết định quản lý được thực hiện đúng thẩm quyền, phù hợp điều kiện thực tế và hướng tới nâng cao chất lượng giáo dục.

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường; quản lý, sử dụng hiệu quả đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính và các nguồn lực; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, chất lượng dạy học, giáo dục học sinh và an toàn trường học. Chủ động rà soát, điều chỉnh kế hoạch, phương án tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục trong năm học trên cơ sở yêu cầu thực tế, điều kiện của nhà trường và kết quả thực hiện nhiệm vụ; không tổ chức dạy học, hoạt động giáo dục theo hình thức đối phó, máy móc hoặc chạy theo thành tích.

- Tăng cường quản trị dựa trên dữ liệu và minh chứng. Nhà trường khai thác, phân tích và sử dụng hiệu quả dữ liệu về kết quả học tập, rèn luyện, chuyên cần, chuyển trường, bỏ học; thông tin về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; kết quả kiểm tra, đánh giá; phản ánh, kiến nghị của học sinh, cha mẹ học sinh, giáo viên và các lực lượng giáo dục để xác định đúng thực trạng, nhận diện những vấn đề cần ưu tiên và có giải pháp phù hợp.

Trên cơ sở kết quả phân tích, chủ động điều chỉnh kế hoạch giáo dục, phân công và sử dụng đội ngũ, tổ chức dạy học, phụ đạo, hỗ trợ học sinh chưa đạt yêu cầu, bồi dưỡng học sinh có năng lực, tư vấn và hỗ trợ học sinh có nguy cơ bỏ học hoặc gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện; đồng thời rà soát các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng để thực hiện cải tiến liên tục. Chú trọng đánh giá mức độ tiến bộ của học sinh và chất lượng thực chất, không chỉ căn cứ vào tỷ lệ, chỉ tiêu hoặc kết quả cuối cùng.

- Tăng cường vai trò của tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên trong quản trị chất lượng; phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực, vị trí việc

làm và yêu cầu thực tế của nhà trường. Khuyến khích giáo viên tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục, đề xuất giải pháp chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm và tham gia đánh giá, cải tiến hoạt động của nhà trường. Thực hiện đánh giá đội ngũ gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ, tinh thần trách nhiệm và sự tiến bộ của học sinh; hạn chế hành chính hóa hoạt động chuyên môn.

- Thực hiện nghiêm túc dân chủ cơ sở, công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động của nhà trường; công khai các nội dung theo quy định, nhất là những nội dung liên quan đến chất lượng giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng, các khoản thu, sử dụng nguồn lực và việc thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh. Phát huy vai trò tham gia, giám sát của hội đồng trường, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng; tiếp nhận, xử lý kịp thời, đúng thẩm quyền các phản ánh, kiến nghị, góp phần xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, kỷ cương, an toàn và thân thiện.

- Gắn quyền tự chủ của hiệu trưởng với trách nhiệm giải trình. Người đứng đầu cơ sở giáo dục phải chủ động nhận diện vấn đề, quyết định trong phạm vi thẩm quyền, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả; kịp thời báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền đối với những nội dung vượt thẩm quyền. Kết quả quản trị nhà trường được thể hiện qua chất lượng giáo dục, sự tiến bộ và an toàn của học sinh, hiệu quả sử dụng nguồn lực, sự đồng thuận của đội ngũ và cha mẹ học sinh, đồng thời là căn cứ để tiếp tục điều chỉnh, cải tiến hoạt động nhà trường.

**c. Chuyển đổi số, học bạ số và quản trị dữ liệu giáo dục**

- Triển khai học bạ số, học liệu số, tuyển sinh trực tuyến và các ứng dụng công nghệ số trong quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá. Bảo đảm toàn bộ học sinh có học bạ số được cập nhật đầy đủ, kịp thời; dữ liệu học bạ số kết nối về Cơ sở dữ liệu Học bạ số của Bộ và liên thông với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục, không yêu cầu học sinh, cha mẹ học sinh cung cấp lại thông tin đã có trên hệ thống.

- Cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu giáo dục bảo đảm đúng, đầy đủ, kịp thời, thống nhất, an toàn và dùng chung giữa các cấp quản lý; bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định. Dữ liệu về học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất phải liên thông với dữ liệu giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục, phục vụ thống nhất công tác quản lý, dự báo, điều hành và phân bổ nguồn lực.

- Khai thác dữ liệu để phát hiện kịp thời thiếu hụt về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, chính sách hỗ trợ và các nguy cơ ảnh hưởng chất lượng, an toàn. Không yêu cầu cung cấp lại dữ liệu đã có trên hệ thống hoặc trong hồ sơ chuyên môn; không phát sinh hồ sơ, sổ sách ngoài quy định.

***Giải pháp thực hiện:**

**- Hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất để thực hiện chuyển đổi số và công nghệ thông tin (đường mạng, kinh phí mua phần mềm...)**

**- Nâng cao năng lực sử dụng công nghệ của đội ngũ giáo viên, nhân viên.**

**- Từng bước thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin ở các lĩnh vực trong nhà trường; quản lí hồ sơ chuyên môn, quản lí thiết bị, quản lí học sinh, thư viện số, lưu trữ, theo dõi, đánh giá học sinh...**

**d. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, kỷ cương**

- Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; thực hiện hiệu quả công tác bảo đảm an toàn trường học, xây dựng văn hóa học đường và tăng cường quản lý đạo đức nhà giáo, văn hóa ứng xử và kỷ cương trường học; chủ động phòng ngừa, phát hiện, xử lý nghiêm hành vi vi phạm đạo đức nhà giáo, bạo lực học đường, xâm phạm danh dự, nhân phẩm của nhà giáo và học sinh; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong quản lý, phòng ngừa, phát hiện và xử lý các vụ việc phát sinh.

- Thực hiện các biện pháp phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, tai nạn, mất an toàn thực phẩm, tệ nạn và nguy cơ trên không gian mạng; xây dựng phương án ứng phó, xử lý kịp thời các tình huống mất an toàn. Bảo đảm an toàn đối với học sinh bán trú, học sinh ở xa gia đình. Quản lý chặt chẽ việc ăn, ở, sinh hoạt, học tập, chăm sóc sức khỏe, tư vấn tâm lý, phòng chống bạo lực, xâm hại, kỳ thị và phân biệt đối xử. Tăng cường tư vấn tâm lý, công tác xã hội trường học; bố trí người thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế và được bồi dưỡng nghiệp vụ; chủ động phát hiện, tư vấn, hỗ trợ học sinh có khó khăn tâm lý, áp lực học tập và nguy cơ trên môi trường số.

**e. Quản lý dạy thêm, học thêm; các khoản thu, chi, tài trợ và huy động nguồn lực xã hội**

- Thực hiện nghiêm quy định về dạy thêm, học thêm trong và ngoài nhà trường theo Thông tư số 19/2026/TT-BGDĐT ngày 31/3/2026 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024), Thông tư số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/4/2026 của Bộ GDĐT và Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 01/6/2026 quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Thực hiện nghiêm túc theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/6/2025 của Chính phủ về việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và tổ chức sinh hoạt hè cho trẻ em, học sinh và Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT về hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với GDPT từ năm học 2025-2026.

- Thực hiện đúng quy định về công khai, quản lý tài chính, thu, chi, tài trợ,

huy động nguồn lực xã hội và hoạt động phối hợp, liên kết; bảo đảm tự nguyện, minh bạch, đúng mục đích, thẩm quyền. Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý hành vi lạm thu, ép buộc đóng góp, ép buộc học thêm hoặc lợi dụng hoạt động giáo dục, tài trợ và huy động nguồn lực xã hội để thu các khoản trái quy định; không lợi dụng hoạt động phối hợp, liên kết hoặc danh nghĩa tự nguyện để ép buộc học sinh tham gia, thu tiền trái quy định.

- Thực hiện nghiêm quy định về quản lý, sử dụng xuất bản phẩm tham khảo theo Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GDĐT và Công văn số 3182/SGDĐT-GDTrH ngày 18/9/2024 của Sở GDĐT về việc sử dụng sách, xuất bản phẩm tham khảo trong cơ sở giáo dục. Đặc biệt lưu ý chỉ đạo tổ chuyên môn, giáo viên kiểm soát chặt chẽ nội dung, không để xuất bản phẩm tham khảo có nội dung vi phạm chủ quyền biển đảo, truyền thống văn hoá, thuần phong mĩ tục Việt Nam đưa vào sử dụng trong dạy học. Quán triệt đến đội ngũ giáo viên, nhân viên không được lợi dụng vị trí công tác để ép buộc, vận động học sinh hoặc cha mẹ học sinh mua sách, tài liệu tham khảo.

**f. Kiểm tra, giám sát, tiếp nhận và xử lý phản ánh**

- Tăng cường kiểm tra, giám sát các nội dung tác động trực tiếp đến quyền lợi học sinh, chất lượng giáo dục và điều kiện bảo đảm; tập trung vào lĩnh vực có nguy cơ phát sinh vi phạm hoặc phản ánh kéo dài. Việc kiểm tra, giám sát phải có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên dữ liệu và tình hình thực tiễn nhằm hỗ trợ, chấn chỉnh, tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng giáo dục.

- Chỉ đạo kiểm tra, giám sát các hoạt động liên kết giáo dục với nước ngoài, chỉ triển khai chương trình tích hợp khi bảo đảm đủ điều kiện. Bảo đảm quyền lợi học tập, giáo dục toàn diện và phù hợp pháp luật hiện hành.

- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về GDĐT. Tập trung kiểm tra việc triển khai Chương trình GDPT; Hoạt động của các cơ sở giáo dục phổ thông tư thục; thực hiện chương trình giáo dục tích hợp chương trình giáo dục của nước ngoài theo Nghị định số 202/2025/NĐ-CP, Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; giảng dạy Chương trình GDPT Việt Nam bằng tiếng nước ngoài theo Nghị định số 222/2025/NĐ-CP và các nội dung giáo dục bắt buộc đối với học sinh Việt Nam tại cơ sở giáo dục tư thục được phép thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài.

- Kịp thời tiếp nhận, xử lý và phản hồi các phản ánh, kiến nghị về hoạt động giáo dục phổ thông; xác định rõ trách nhiệm và thời hạn giải quyết. Chủ động cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về nhiệm vụ năm học, kết quả đổi mới giáo dục phổ thông và chính sách đối với học sinh, giáo viên, cơ sở giáo dục, tạo đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

**g. Về chỉ đạo hoạt động chuyên môn sau sáp nhập**

Các hoạt động chuyên môn sau sáp nhập theo Kế hoạch số 1186/KH-BGDĐT ngày 26/6/2026 của Bộ GDĐT và Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 10/7/2026 của UBND Thành phố, thực hiện theo Hướng dẫn số 4079/HD-SGDĐT ngày 10/8/2026 của Sở GDĐT, cụ thể:

- Nhà trường quản trị thống nhất, phụ trách riêng theo cấp học; xây dựng một kế hoạch giáo dục chung, đồng thời xác định rõ chương trình, tiến độ, thời khóa biểu, kiểm tra, đánh giá, hồ sơ và người phụ trách của từng cấp học, từng địa điểm khi cần thiết. Hiệu trưởng phân công cán bộ quản lý phụ trách từng cấp, quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền và cơ chế phối hợp. Kiện toàn tổ chuyên môn theo quy định, phù hợp đặc điểm từng cấp học; tổ chức sinh hoạt chuyên môn riêng theo cấp và phối hợp liên cấp đối với những nội dung phù hợp, nhất là chuyển tiếp lớp 5–6, giáo dục hòa nhập, tư vấn tâm lý, kỹ năng học tập và phối hợp với CMHS. Phân công giáo viên, xếp thời khóa biểu và sử dụng phòng học bộ môn, thiết bị dùng chung bảo đảm đúng trình độ, năng lực, vị trí việc làm, định mức và yêu cầu của từng cấp học (tiểu học là 23 tiết/tuần; trung học cơ sở là 19 tiết/tuần); việc phân công giáo viên dạy khác cấp phải được rà soát, quyết định theo quy định, bảo đảm đủ thời lượng và không ảnh hưởng chất lượng dạy học. Thực hiện thống nhất việc bảo đảm, sử dụng SGK; tổ chức kiểm tra, đánh giá, quản lý hồ sơ, dữ liệu theo quy định riêng của từng cấp học; không áp dụng cơ học phương pháp giáo dục, yêu cầu đánh giá hoặc hồ sơ của cấp này cho cấp kia. Các hoạt động giáo dục chung phải thiết kế phù hợp đặc điểm lứa tuổi, có mục tiêu, nội dung, người phụ trách và phương án bảo đảm an toàn riêng cho từng cấp học.

**h. Đẩy mạnh tổ chức các phong trào thi đua**

Tiếp tục truyền thông, nhân rộng điển hình tiên tiến trong công tác dạy học và quản lý, bảo đảm tính lan tỏa, hiệu quả, thiết thực, phù hợp điều kiện địa phương; gắn với phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập" nhằm tạo động lực nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tiếp tục triển khai thực hiện phong trào "Nhà trường cùng chung tay phát triển - Thầy cô cùng sẻ chia trách nhiệm" giai đoạn 2026-2030. Khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các kết quả hoạt động của ngành; các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến để khích lệ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

**i. Tham gia tổ chức các kì thi, cuộc thi, hội thi**

- Tham gia tổ chức các kì thi, cuộc thi bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng quy định. Chuẩn bị tốt cho việc tổ chức kì thi học sinh giỏi lớp 9 các môn văn hóa cấp Thành phố tại địa phương và thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật; các kì thi,

cuộc thi cấp quốc gia, chuẩn bị chu đáo và đầy đủ các điều kiện cần thiết để tham gia Cuộc thi Olympic Thiên văn và Vật lý thiên văn quốc tế (IOAA) năm 2026 (nếu được huy động). Chọn lọc tổ chức hoặc tham gia các cuộc thi của địa phương bảo đảm chất lượng, thiết thực, đúng quy định theo chủ trương tinh giảm các kỳ thi, cuộc thi, hội thi nhằm giảm áp lực đối với giáo viên và học sinh theo Công văn số 5814/BGDĐT-GDTrH ngày 07/12/2017 về tổ chức các cuộc thi dành cho học sinh phổ thông từ năm học 2017-2018 và Công văn số 1640/SGDĐT-GDTrH ngày 29/5/2024 của Sở GDĐT về việc thống kê các chương trình, cuộc thi có uy tín trên thế giới; thực hiện hiệu quả, đúng quy định công tác tuyển sinh đầu cấp theo Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT và kế hoạch tuyển sinh lớp 6 mới, tích hợp bản đồ số GIS và trí tuệ nhân tạo (AI) đảm bảo công bằng, khách quan, trung thực.

- Tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, lựa chọn GV tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố (sẽ có kế hoạch riêng).

- Tham gia kì thi chung rà soát chất lượng môn Ngữ văn, Toán cho học sinh lớp 9 do Phường ra đề (nếu có). Tuyển chọn, ôn luyện cho học sinh tham gia thi thi Olympic ở khối 6,7,8 các môn văn hóa và thi Olympic tiếng Anh với tinh thần tự nguyện, không thu phí.

**k. Đổi mới phương thức bồi dưỡng giáo viên**

- Đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên theo hướng thường xuyên, linh hoạt, thiết thực, kết hợp 04 phương thức: bồi dưỡng trực tiếp, trực tuyến, tại chỗ và tự học/chứng chỉ. Tăng cường bồi dưỡng thông qua chuyên đề, sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn, nghiên cứu bài học, dự giờ, phân tích giờ dạy và chia sẻ kinh nghiệm; tập trung vào xây dựng kế hoạch dạy học, dạy học theo chủ đề, liên môn, đổi mới phương pháp và kiểm tra, đánh giá, phù hợp đặc thù môn học và thực tiễn nhà trường.

- Tập trung phát triển năng lực số, năng lực ứng dụng AI, khuyến khích giáo viên tự học, tham gia các khóa bồi dưỡng và hoàn thành chứng chỉ phù hợp; chú trọng bồi dưỡng giáo viên Khoa học tự nhiên, ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018. Tiếp tục rà soát, đánh giá năng lực giáo viên ngoại ngữ; tổ chức bồi dưỡng, nâng cao năng lực theo Thông tư số 33/2026/TT-BGDĐT ngày 15/4/2026 và thực hiện nâng chuẩn giáo viên tiếng Anh THCS theo Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 23/01/2019 của UBND Thành phố và hướng dẫn của Sở GDĐT. Nghiên cứu xây dựng, thực hiện chương trình, đề án dạy học bổ trợ, tăng cường ngoại ngữ trên nguyên tắc tự nguyện, công khai, đúng quy định; Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về tổ chức, quản lý và chất lượng thực hiện.

**l. Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng**

Thực hiện tốt việc khen thưởng, kỉ luật vì sự tiến bộ của học sinh; bảo đảm thực hiện đúng quy định, công bằng, công khai, minh bạch, kịp thời, tạo cảm hứng và động lực phấn đấu cho học sinh; tăng cường các biện pháp giáo dục kỉ luật tích cực để rèn luyện ý thức kỉ luật, trách nhiệm của học sinh đối với bản thân, thầy, cô, bạn bè, gia đình và cộng đồng.

**VI. Công tác thi đua và truyền thông của Nhà trường:**

1. Xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm học và tổ chức tốt Hội nghị cán bộ, viên chức – người lao động đầu năm học và thông qua các quy định của Bộ, Sở GDĐT; thống nhất các quy định, quy chế của đơn vị...trên tinh thần tự chủ và gắn với tự chịu trách nhiệm của Hiệu trưởng. Kế hoạch giáo dục của nhà trường được Hội đồng trường phê duyệt theo quy định, báo cáo UBND phường. Các hoạt động chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra của cấp trên sẽ dựa trên kế hoạch giáo dục này.

2. Đẩy mạnh tổ chức các phong trào thi đua, truyền thông, nhân rộng điển hình tiên tiến trong công tác dạy học và quản lý, bảo đảm tính lan tỏa, hiệu quả, thiết thực, phù hợp điều kiện địa phương; gắn với phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập" nhằm tạo động lực nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Chủ động cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân có liên quan tại địa phương về tình hình thực hiện các chủ trương, chính sách đổi mới đối với giáo dục trung học; tình hình và kết quả triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới đối với giáo dục trung học để tạo sự đồng thuận của xã hội, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các kết quả hoạt động của ngành; các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến để khích lệ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

3. Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng. Cụ thể hóa các tiêu chí thi đua để thực hiện có chất lượng, hiệu quả các mặt công tác trong nhiệm vụ năm học; bảo đảm công bằng, minh bạch, gắn với hiệu quả công việc.

Thực hiện tốt việc khen thưởng, kỉ luật vì sự tiến bộ của học sinh; bảo đảm thực hiện đúng quy định, công bằng, công khai, minh bạch, kịp thời, tạo cảm hứng và động lực phấn đấu cho học sinh; tăng cường các biện pháp giáo dục kỉ luật tích cực để rèn luyện ý thức kỉ luật, trách nhiệm của học sinh đối với bản thân, thầy, cô, bạn bè, gia đình và cộng đồng.

***Giải pháp thực hiện:**

**- Ban hành quy chế phối hợp giữa quản lí nhân sự và quản lí chuyên môn; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.**

**- Xây dựng Kế hoạch tổng thể của Nhà trường chi tiết, cụ thể, thông qua Hội đồng sư phạm nhà trường.**

**- Có kế hoạch bồi dưỡng năng lực tiếng Anh phổ thông cho cán bộ, giáo viên, nhân viên (bằng nguồn lực tại chỗ) để phù hợp với xu thế hiện tại.**

**- Ban hành quy chế khen thưởng kèm tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng, khuyến khích được cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia thi đua.**

**- Phát động các đợt thi đua, có tổng kết đánh giá, rút ra bài học.**

**- Đẩy mạnh công tác truyền thông, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong Nhà trường và Hệ thống.**

## VI. KẾ HOẠCH TRỌNG TÂM CÁC THÁNG CỦA NĂM HỌC

*** Tháng 7, 8/2026**

1. Tham gia bồi dưỡng chuyên môn và các lớp tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên.

2. Tham gia các cuộc tập huấn, bồi dưỡng của Phường, Sở, Bộ GDĐT (nếu có)

3. Tập huấn về công tác PCGD, XMC năm 2026.

4. Đăng kí chuẩn phổ cập giáo dục, xoá mù chữ các mức độ năm 2026.

5. Chuẩn bị các điều kiện cho Ngày tựu trường và Lễ Khai giảng năm học mới 2026-2027.

6. Xây dựng và hoàn thiện kế hoạch giáo dục, phê duyệt các kế hoạch cho năm học mới.

7. Các tổ nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học của bộ môn và các hoạt động giáo dục bắt buộc.

8. Tổng kết năm học 2025 - 2026 và hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2026-2027.

9. Tham gia họp Giáo vụ các bộ môn và tổ chức chuyên đề cấp Thành phố. Hiệu trưởng hoàn thành việc phê duyệt Kế hoạch giáo dục nhà trường

10. Tiến hành rà soát về Tài liệu Giáo dục địa phương cấp THCS. Tập huấn về Tài liệu Giáo dục địa phương.

11. Xây dựng kế hoạch Tổng kết thí điểm Học bạ số cấp trung học.

12. Xây dựng kế hoạch hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn của Thủ đô và đất nước.

13. Thực hiện thực học theo biên chế năm học mới theo quy định Khung thời

gian năm học 2026-2027.

14. Bồi dưỡng, cử học sinh và giáo viên tham gia Cuộc thi Olympic Thiên văn và Vật lý thiên văn quốc tế (IOAA) năm 2026.

*** Tháng 9/2026**

1. Lễ Khai giảng năm học mới.

2. Rà soát việc xây dựng Kế hoạch tự đánh giá trường trung học gắn với đạt chuẩn Quốc gia năm học 2026-2027 (UBND xã, phường gửi báo cáo về Sở trước 15/9).

3. Tiếp tục phát động các cuộc vận động đã nêu trong Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học, các trường triển khai kế hoạch các cuộc vận động và tổ chức ký cam kết của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong toàn trường.

4. Phát động tháng An toàn giao thông và tổ chức ký cam kết về phòng chống ma tuý, tội phạm, phòng chống dịch bệnh, Giáo dục trật tự An toàn giao thông. Kiểm tra về triển khai công tác giáo dục An toàn giao thông.

5. Các đơn vị, cơ sở giáo dục nộp báo cáo đầu năm (trước ngày 15/9) về Sở GDĐT (qua Phòng Giáo dục trung học).

6. Thực hiện nghiêm túc tuần sinh hoạt tập thể đầu năm học, nội dung hoạt động theo công văn Hướng dẫn của Bộ GDĐT.

7. Họp Ban đại diện cha mẹ học sinh, triển khai các hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

8. Tiếp tục cập nhật số liệu số liệu trên phần mềm hệ thống phổ cập giáo dục.

9. Hội nghị cán bộ công chức viên chức. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học.

10. Làm việc với Đoàn tư vấn Kiểm tra công nhận phổ cập giáo dục cấp THCS (phối hợp)

11. Phòng Văn hóa – Xã hội tham mưu UBND phường hoàn thành xác nhận kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học các nhà trường.

12. Hoàn thành Hướng dẫn Hội thi giáo viên dạy giỏi môn Toán, Khoa học tự nhiên (mạch Vật sống, nội dung Chu trình các chất trong hệ sinh thái - Sinh quyển thuộc mạch Trái đất và Bầu trời).

13. Tham gia công tác bồi dưỡng, chuyên đề cấp Thành phố.

14. Thực hiện hoạt động chào mừng 81 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9.

15. Chuẩn bị các điều kiện tham gia cuộc thi Nghiên cứu khoa học kĩ thuật dành cho học sinh trung học cấp phường, Thành phố;

16. Bồi dưỡng, cử học sinh và giáo viên tham gia Cuộc thi Olympic Thiên văn và Vật lý thiên văn quốc tế (IOAA) năm 2026.

17. Dạy học Tài liệu Giáo dục Nếp sống thanh lịch – văn minh cho học sinh Hà Nội. Tổ chức chọn và ôn luyện các đội tuyển thi học sinh giỏi Thành phố các môn văn hóa tại cơ sở.

18. Tham gia chuyên đề Thành phố các môn học. Hoàn thành Kế hoạch nhiệm vụ năm học, kế hoạch dạy học và nộp về Phòng Văn hóa – Xã hội.

*** Tháng 10/2026**

1. Tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi môn Toán, Khoa học tự nhiên (mạch Vật sống, nội dung Chu trình các chất trong hệ sinh thái - Sinh quyển thuộc mạch Trái đất và Bầu trời) cấp trường.

2. Tham gia chuyên đề các bộ môn về thực hiện yêu cầu cần đạt và chuẩn đầu ra, ứng dụng đánh giá PISA trong các môn học nhằm theo định hướng phát triển năng lực.

3. Phát động thi viết thư Quốc tế UPU lần thứ 57.

4. Tham gia giải chạy báo Hà Nội Mới lần thứ 54.

5. Nộp về Sở GDĐT đăng kí danh hiệu thi đua cấp Thành phố (ngày 25/10).

6. Chuẩn bị các điều kiện tham gia cuộc thi Nghiên cứu khoa học kĩ thuật dành cho học sinh trung học cấp phường và cụm chuyên môn.

7. Đón đoàn kiểm tra chuyên môn của Sở (nếu có); ôn luyện các đội tuyển thi học sinh giỏi Thành phố các môn văn hóa lớp 9;

8. Kiểm tra, tư vấn chuẩn bị cho kiểm tra Phổ cập giáo dục của Bộ GDĐT và UBND Thành phố.

9. Chuẩn bị tham dự Cuộc thi Olympic Thiên văn và Vật lý thiên văn quốc tế (IOAA) năm 2026.

10. Dạy học Tài liệu Giáo dục Nếp sống thanh lịch – văn minh cho học sinh Hà Nội.

11.Tham gia chuyên đề Thành phố các môn học. Tổ chức kiểm tra định kì (bài giữa học kỳ 1).

*** Tháng 11/2026**

1. Cử giáo viên tham gia Hội thi GV dạy giỏi môn Toán, Khoa học tự nhiên

(mạch Vật sống, nội dung Chu trình các chất trong hệ sinh thái - Sinh quyển thuộc mạch Trái đất và Bầu trời) cấp phường.

2. Tham gia cuộc thi Nghiên cứu khoa học kĩ thuật dành cho học sinh trung học cấp Thành phố.

3. Đón đoàn kiểm tra của Sở về việc thực hiện nhiệm vụ năm học theo kế hoạch; kiểm tra chuyên đề một số mặt hoạt động, kiểm tra phổ cập giáo dục (nếu có);

4. Lên kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng và Kỷ niệm 45 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11.

5. Nộp báo cáo và tổ chức Sơ kết giữa học kỳ I (trước 15/11).

6. Thực hiện Kế hoạch về bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học tại các cơ sở giáo dục

7. Thực hiện chuyên đề Thành phố các môn học. Tổ chức chọn và ôn luyện đội tuyển, cử học sinh tham gia thi học sinh giỏi cấp Phường các môn văn hóa lớp 9.

*** Tháng 12/2026**

1. Tổ chức kiểm tra định kì (bài cuối học kỳ 1); Tham dự Sơ kết các cuộc vận động. Tổng kết Hội thi giáo viên dạy giỏi Thành phố.

2. Phát động tháng cao điểm phòng chống AIDS vào ngày 01/12/2026; Tham dự buổi Tổng kết công tác phòng chống ma tuý năm 2026 và triển khai Kế hoạch năm 2027.

3. Đón đoàn kiểm tra của Sở về việc thực hiện nhiệm vụ năm học theo kế hoạch; kiểm tra chuyên đề một số mặt hoạt động, kiểm tra phổ cập giáo dục (nếu có);

4. Đón đoàn kiểm tra về đổi mới sinh hoạt chuyên môn, dạy học theo chuyên đề theo hướng dẫn tại Hướng dẫn nhiệm vụ năm học và việc tự chủ trong thực hiện Kế hoạch dạy học (nếu có).

5. Tham dự thảo luận và hội thảo về thực hiện chương trình sách giáo khoa các bộ môn, hoạt động giáo dục bắt buộc theo Chương trình GDPT 2018.

6. Phối hợp chuẩn bị cho công tác kiểm tra công nhận phổ cập giáo dục 2026 các xã, phường và cụm chuyên môn.

7. Tham dự Tổng kết Hội thi giáo viên dạy giỏi môn Toán, Khoa học tự nhiên (mạch Vật sống, nội dung Chu trình các chất trong hệ sinh thái - Sinh quyển thuộc mạch Trái đất và Bầu trời) cấp Thành phố.

8. Dạy học Tài liệu Giáo dục Nếp sống thanh lịch – văn minh cho học sinh Hà Nội.

9. Tham dự chuyên đề Thành phố các môn học. Tổ chức chọn và ôn luyện các đội tuyển thi học sinh giỏi Thành phố các môn văn hóa.

10. Tổ chức kỉ niệm ngày Thành lập QĐND 22/12.

*** Tháng 01/2027**

1. Nộp báo cáo sơ kết học kỳ I, thực hiện kế hoạch giáo dục học kỳ II.

2. Tham gia thi học sinh giỏi Thành phố các môn văn hóa (nếu có).

3. Tham gia cuộc thi Nghiên cứu khoa học kĩ thuật dành cho học sinh Trung học cấp thành phố.

4. Hoạt động ngoại khoá, hoạt động trải nghiệm theo chủ đề, chủ điểm.

5. Tổ chức các chuyên đề chuyên môn .

6. Tham gia thảo luận và hội thảo về thực hiện chương trình sách giáo khoa các bộ môn và hoạt động giáo dục bắt buộc theo Chương trình GDPT 2018.

7. Thực hiện Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề cho giáo viên cốt cán tại trường.

8. Tham dự chuyên đề Thành phố các môn học.

9. Đón đoàn kiểm tra nhiệm vụ năm học các cơ sở giáo dục THCS (nếu có);

10. Dạy học Tài liệu Giáo dục Nếp sống thanh lịch – văn minh cho học sinh Hà Nội.

*** Tháng 02/2027**

1. Tham gia Hội thảo về Tài liệu giáo dục địa phương cấp trung học.

2. Tham gia thảo luận và hội thảo về thực hiện chương trình sách giáo khoa các bộ môn theo Chương trình GDPT 2018.

3. Thực hiện Kế hoạch về bồi dưỡng, chuyên đề chuyên môn cho đội ngũ giáo viên cốt cán tại trường.

4. Nghỉ tết Nguyên đán.

5. Tham gia chuyên đề Thành phố các môn học.

*** Tháng 3/2027**

1. Tổ chức tốt ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, "Tháng thanh niên" và Kỷ niệm thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh ngày 26/3/2027 và ngày Thể thao Việt Nam.

2. Nộp báo cáo và tổ chức Sơ kết giữa học kỳ II (trước 15/3).

3. Tổ chức góp ý và rà soát sách giáo khoa theo Chương trình GDPT 2018, tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn của Bộ GDĐT.

4. Thực hiện Kế hoạch về bồi dưỡng, chuyên đề chuyên môn cho đội ngũ giáo viên cốt cán tại cơ sở.

5. Phối hợp công tác PCGD, XMC với phường Dương Nội.

6. Tham gia chuyên đề Thành phố các môn học.

7. Dạy học Tài liệu Giáo dục Nếp sống thanh lịch – văn minh cho học sinh Hà Nội.

*** Tháng 4/2027**

1. Tổ chức góp ý và rà soát sách giáo khoa theo Chương trình GDPT 2018, tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn của Bộ GDĐT.

3. Tổng kết về công tác phòng chống ma tuý, AIDS và tệ nạn xã hội.

4. Tổ chức thảo luận và hội thảo về thực hiện chương trình sách giáo khoa các bộ môn theo Chương trình GDPT 2018 (cấp tổ chuyên môn).

5. Thực hiện Kế hoạch về bồi dưỡng, chuyên đề chuyên môn cho đội ngũ giáo viên cốt cán tại trường.

6. Tham gia chuyên đề Thành phố các môn học.

7. Dạy học Tài liệu Giáo dục Nếp sống thanh lịch – văn minh cho học sinh Hà Nội.

8. Ôn thi vào 10 THPT.

9. Tuyển sinh đầu cấp.

*** Tháng 5/2027**

1. Kiểm tra định kì (bài cuối học kỳ II); xét tốt nghiệp THCS; tổng kết năm học 2026 - 2027.

2. Đón đoàn Kiểm tra nhiệm vụ năm học các cơ sở giáo dục THCS (nếu có)

3. Tổng kết thực hiện các cuộc vận động và các phong trào trong năm học.

4. Nộp kết quả điểm THCS (30/5). Xét tốt nghiệp cấp THCS.

5. Tổ chức thảo luận và hội thảo về thực hiện chương trình sách giáo khoa các bộ môn theo Chương trình GDPT 2018.(cấp trường)

6. Ôn thi vào 10 THPT.

7. Viết báo cáo tổng kết năm học và thực hiện Chương trình GDPT 2018.

8. Thực hiện Kế hoạch về bồi dưỡng, chuyên đề chuyên môn cho đội ngũ

giáo viên cốt cán tại cơ sở.

9. Tham gia Sơ kết việc báo cáo tổng kết năm học và thực hiện Chương trình GDPT 2018.

10. Tham gia chuyên đề Thành phố các môn học.

*** Tháng 6/2027**

1. Nộp báo cáo tổng kết năm học (trước 11/6).

2. Tham gia các hoạt động liên quan đến thi tuyển sinh vào 10 – THPT.

3. Niêm phong, lưu trữ các hồ sơ.

4. Triển khai Kế hoạch hoạt động hè năm 2027.

5. Phát động tháng cao điểm phòng chống ma tuý và các tệ nạn xã hội, cao điểm là ngày 26/6/2027 - Ngày Toàn dân phòng chống ma tuý.

6. Tham gia thảo luận và hội thảo về thực hiện Chương trình GDPT 2018 và sách giáo khoa các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc.

*** Tháng 7/2027**

1. Tổ chức hoạt động hè theo kế hoạch.

2. Tổ chức tự đánh giá cơ sở giáo dục.

3. Triển khai các hoạt động bồi dưỡng giáo viên.

4. Chuẩn bị triển khai công tác tuyển sinh lớp đầu cấp.

## VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Trách nhiệm các tổ chức, cá nhân

#### 1.1. Đối với Hiệu trưởng

- Ban hành quyết định thành lập các tổ ban trong nhà trường, bổ nhiệm các chức danh Tổ trưởng, Tổ phó, Khối trưởng, Khối phó chuyên môn;

- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong năm học: GVCN, công tác giảng dạy, công tác kiêm nhiệm;

- Xây dựng dự thảo kế hoạch, tổ chức lấy ý kiến các thành viên trong nhà trường để hoàn thiện kế hạch và triển khai thực hiện kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục trong nhà trường, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch;

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra nội bộ;

- Tổ chức các hoạt động, hội thi, hội giảng trong năm;

- Cùng Nhân sự xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường.

**1.2. Đối với Phó Hiệu trưởng**

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục;

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các Hoạt động TNHN; xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai thực hiện công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém và các hoạt động khác có liên quan đến công tác triển khai thực hiện giáo dục học sinh;

- Chỉ đạo các tổ, khối chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học, trung học có nhiều cấp học;

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động có liên quan đến chuyên môn.

**1.3. Đối với tổ trưởng, tổ phó; khối trưởng, khối phó chuyên môn, hành chính, bán trú**

- Chủ trì xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ, khối, kế hoạch dạy học trải nghiệm, phê duyệt KH cá nhân của các thành viên;

- Tổ chức cho các nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn, phân công giáo viên tham gia bồi dưỡng và trình Hiệu trưởng phê duyệt;

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn 1 lần/tuần (với tổ chuyên môn); trao đổi công việc thường xuyên (với hành chính, bán trú). Chú trọng đổi mới phướng pháp, hình thức dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá. Tập trung vào việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học (với chuyên môn); trao đổi nghiệp vụ (với hành chính, bán trú trong Hệ thống)...

**1.4. Đối với Tổng phụ trách Đội**

- Tham mưu Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nhiệm, hướng nghiệp cho học sinh;

- Xây dựng kế hoạch hoạt động trải nghiệm theo quy định, tham mưu hiệu trưởng, phối hợp với các bên liên quan GV môn HĐTN, GV chủ nhiệm, Kĩ năng sống, ... về việc phân công các thành viên chuẩn bị nội dung hoạt động trải nghiệm;

- Tổ chức các hoạt động TN-HN quy mô toàn trường;

- Quản lý nề nếp, quản lý đội Sao đỏ nhà trường. Hàng ngày có hoạt động của đội Sao đỏ và giám thị quản lí nề nếp của học sinh;

- Phụ trách công tác thi đua học sinh, xây dựng tiêu chí thi đua lớp, học sinh.

**1.5. Đối với nhân viên thư viện, thiết bị**

- Tham mưu hiệu trưởng về kế hoạch trang bị sách giáo khoa, tài liệu tham

khảo, thiết bị dạy học phục vụ việc giảng dạy theo Chương trình GDPT;

- Nhân viên thư viện hàng tháng có kế hoạch chuyên đề, các tiết Đọc sách;

- Nhân viên thiết bị có báo cáo hàng tháng về việc sử dụng đồ dùng dạy học;

- Xây dựng kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị đáp ứng cho hoạt động dạy - học;

- Tổ chức giới thiệu sách, thiết bị. Khuyến khích học sinh thường xuyên đọc sách, giáo viên thường xuyên sử dụng có hiệu quả thiết bị và đồ dùng dạy học. Mỗi lớp có tủ sách riêng của lớp, duy trì việc đọc sách trước giờ học.

**1.6. Đối với giáo viên, nhân viên**

- Nghiên cứu kỹ Chương trình GDPT 2018 và xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn, chuyên môn theo đúng các văn bản quy định hiện hành phù hợp với điều kiện dạy và học của nhà trường;

- Xây dựng kế hoạch bài dạy phù hợp với phẩm chất, năng lực của học sinh;

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo môn học. Từ tháng 8, giáo viên, tổ/nhóm chuyên môn đã bàn bạc, thống nhất xây dựng kế hoạch dạy học theo Phụ lục 3 (Công văn 5512) với cấp THCS;

- Phối hợp với nhà trường, Liên đội tổ chức tốt và hiệu quả cho học sinh tham gia các hoạt động hoạt động hướng nghiệp, trải nghiệm trong và ngoài nhà trường.

- Nghiên cứu các tiêu chí đánh giá, bảng mô tả vị trí công việc hành chính, bán trú...để thực hiện tốt.

**2. Công tác phối hợp các bên liên quan**

- Nhà trường chủ động tham mưu Hội đồng quản trị tạo mọi điều kiện tốt nhất để các hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao;

- Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, các tổ chức đoàn thể để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh: như La Phù, làng Lụa Vạn Phúc, dao kéo Đa Sỹ,...

**3. Công tác kiểm tra, giám sát, rà soát, điều chỉnh**

- Việc giám sát đánh giá và điều chỉnh kế hoạch dạy học, giáo dục được thực hiện thường xuyên trong suốt năm học kết hợp với hoạt động tự đánh giá trong quản lý chất lượng Trường Liên cấp có nhiều cấp học;

- Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng phụ trách cấp thực hiện hoạt động giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục thường xuyên hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng qua báo cáo của Tổ trưởng, Khối trưởng, các bộ phận...

thông qua kiểm tra sổ đầu bài, dự giờ thăm lớp, hồ sơ chuyên môn của giáo viên, qua học sinh, cha mẹ học sinh;

- Làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, các thành viên trong ban kiểm tra nội bộ cần làm tốt nhiệm vụ;

- Mỗi giáo viên, nhân viên cần có thói quen tự kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của mình để có điều chỉnh và phản ánh kịp thời với tổ, khối, BGH.

**4. Chế độ thông tin, báo cáo**

- Tổ trưởng, Khối trưởng chuyên môn định kỳ báo cáo Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách cấp về tình hình của tổ, khối, có các ý kiến tham mưu đề xuất kịp thời về các công việc có liên quan đến thực hiện đổi mới hoạt động dạy học trong nhà trường;

- Định kỳ báo cáo theo tuần, tháng, học kỳ để Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách cấp tổng hợp báo cáo cấp trên kịp thời.

Trên đây là kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2026 - 2027 của trường TH và THCS Lômônôxốp Tây Hà Nội. Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ tốt các chỉ tiêu đề ra trong năm học mới. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học có vướng mắc các bộ phận, cá nhân cần bàn bạc, trao đổi báo cáo kịp thời về Ban lãnh đạo nhà trường để kịp thời chỉ đạo thực hiện./.

***Nơi nhận:***
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Phòng VH – XH phường Dương Nội (để báo cáo);
- BGH, các tổ chức trong nhà trường (để t/hiện);
- Tổ trưởng CM, VP (để thực hiện);
- Lưu VT.

**TM. BAN GIÁM HIỆU**
**HIỆU TRƯỞNG**

U.B.N.D PHƯỜNG DƯƠNG NỘI T.P HÀ NỘI
TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ LÔMÔNÔXỐP TÂY HÀ NỘI

**Trần Quốc Anh**

**PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG**

# PHỤ LỤC 1

*(Kèm theo Kế hoạch giáo dục của trường năm học 2026 - 2027)*

## 1.1. Cấp Tiểu học

### 1. Khối 1

| Lớp | Giáo viên chủ nhiệm | Số năm KN | GV Tiếng Anh | Số năm KN | Nhân viên bán trú | Số năm KN |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **1A1** | Ngô Thị Phượng | 09 năm | Nguyễn Nhật Linh | 1 năm | Nguyễn Thị Vân Anh | 5 năm |
| **1A2** | Phạm Thị Hoài Thương | 03 năm | Đoàn Thị Thu Huyền | 10 năm | Nguyễn Thị Dinh | 6 năm |
| **1A3** | Nguyễn Thị Ngọc Lan | 04 năm | Nông Thị Hiếu | 6 năm | Nguyễn Thị Nguyệt | 4 năm |
| **1A4** | Triệu Thị Kim Ngân | GV mới | Nông Thị Hiếu | 6 năm | Nguyễn Thị Quỳnh Hương | 8 năm |
| **1A5** | **Phí Thị Thanh Huyền** (TATC) | 07 năm | Đặng Thị Hương | 16 năm | Nguyễn Thị Nga | 5 năm |

### 2. Khối 2

| Lớp | Giáo viên chủ nhiệm | Số năm KN | GV Tiếng Anh | Số năm KN | Nhân viên bán trú | Số năm KN |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **2A1** | **Cấn Thị Hằng** | 08 năm | Nguyễn Thị Thu | 4 năm | Lê Thị Hương | 3 năm |
| **2A2** | Nguyễn Thị Phương Linh | 06 năm | Lý Thanh Thủy | 4 năm | Nguyễn Thị Thúy | 3 năm |
| **2A3** | Trần Thị Thanh Thảo | GV mới | Nguyễn Thị Thu | 4 năm | Nguyễn Thị Hương | 6 năm |
| **2A4** | Nguyễn Mai Chi | 01 năm | Nguyễn Thị Ngân | 19 năm | Phan Thị Thủy | 5 năm |
| **2A5** | Trần Thùy Linh (TATC) | 03 năm | Nguyễn Thị Ngân | 19 năm | Hoàng Thị Hằng | 6 năm |

### 3. Khối 3

| Lớp | Giáo viên chủ nhiệm | Số năm KN | GV Tiếng Anh | Số năm KN | Nhân viên bán trú | Số năm KN |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **3A1** | Nguyễn Hoài Thu | 05 năm | Nguyễn Nhật Linh | 1 năm | Trần Thị Thủy | 6 năm |
| **3A2** | Trịnh Hà Linh | GV mới | Phạm Thị Minh Huệ | 17 năm | Trịnh Thị Hiền | 5 năm |
| **3A3** | **Trịnh Thị Thu Hà (CN mũi nhọn)** | 17 năm | Phạm Thị Minh Huệ | 17 năm | Phạm Thị Hương | 2 năm |
| **3A4** | Lê Thị Quỳnh (TATC) | 19 năm | Nguyễn Thị Thu (A1) | 4 năm | Trần Thị Phương | 4 năm |
| **3A5** | Nguyễn Hà Trang (TATC) | GV mới* | Đoàn Thị Thu Huyền (A2) | 10 năm | Nguyễn Thị Thu Trang | 4 năm |

**4. Khối 4**

| Lớp | Giáo viên chủ nhiệm | Số năm KN | GV Tiếng Anh | Số năm KN | Nhân viên bán trú | Số năm KN |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **4A1** | Lê Thị Thu | GV mới* | Nguyễn Thị Hằng | 14 năm | Nguyễn Thị Đạo | 3 năm |
| **4A2** | **Bùi Lan Anh (CN mũi nhọn)** | 06 năm | Nguyễn Thị Hằng | 14 năm | Trịnh Thị Mùa | 5 năm |
| **4A3** | Nghiêm Thị Mỹ Linh | 01 năm | Nông Thị Hiếu | 6 năm | Trịnh Thị Thúy | 6 năm |
| **4A4** | Nguyễn Thị Vân Anh (TATC) | 02 năm | Hoàng Thị Nga (A2) | 14 năm | Tống Thị Hương | 6 năm |
| **4A5** | Nguyễn Thị Ngọc Phượng (TATC) | 09 năm | Lý Thanh Thủy (A1) | 4 năm | Tống Thị Hương | 6 năm |

**5. Khối 5**

| Lớp | Giáo viên chủ nhiệm | Số năm KN | GV Tiếng Anh | Số năm KN | Nhân viên bán trú | Số năm KN |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **5A1** | Đinh Thị Tố Uyên | 03 năm | Đặng Thị Hương | 16 năm | Lê Thị Đua | 5 năm |
| **5A2** | **Nguyễn Thị Hiên (CN mũi nhọn)** | 05 năm | Nguyễn Thị Ngân | 19 năm | Lê Thị Đua | 5 năm |
| **5A3** | Đinh Diệu Hà | 07 năm | Nguyễn Thu Phương | 7 năm | Nguyễn Thị Ngân | 5 năm |
| **5A4** | Nghiêm Ngọc Quỳnh (TATC) | 06 năm | Nguyễn Thu Phương (A1) | 7 năm | Nguyễn Thị Hiếu | 6 năm |
| **5A5** | Hoàng Thị Lam (TATC) | 03 năm | Phạm Thị Minh Huệ (A2) | 17 năm | Nguyễn Thị Hiếu | 6 năm |

**6. Giáo viên Năng khiếu**

| Stt | Họ và tên | Môn dạy | Số năm KN | Phân công dạy | CLB trong giờ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Vũ Văn Mười | Thể dục | 07 năm | K2, K4, 5A1, 5A2, 5A3 | Bóng đá K1, 2, 3, 4 | BĐ K5: Đ/c Vinh |
| 2 | Phạm Long An | Thể dục | 03 năm | K1, K3, 5A4, 5A5 | Bóng rổ K1, 2, 3, 4, 5 | |
| 3 | Lê Thị Thu Hà | Mỹ thuật | 27 năm | K1, 2, 3 | Mĩ thuật K1, 2 | |
| 4 | Đinh Thảo Nhi | Mỹ thuật | 05 năm | K4,5 | | |
| 5 | Vũ Thị Hồng Vân | Âm nhạc | 04 năm | K4;5 | Âm nhạc K4 | |
| 6 | Đào Văn Tùng | Âm nhạc | 10 năm | K1, 2, 3 | Âm nhạc K5 | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Nguyễn Thị Phượng | KNS | 09 năm | K3, 4, 5 | | |
| 8 | Bùi Hồng Hạnh | Tin học | 02 năm | K1, 2, 3 | Tin học K3 | |
| 9 | Lê Thị Ánh Ngọc | Tin học | GV mới | K4, 5 | Tin học K4, 5 | |
| 10 | Nguyễn Bích Ngọc | Thư viện | 01 năm | K1, 2, 3, 4 | | K5: Đ/c Mỹ Duyên |
| 11 | Trịnh Thị Thanh Mai | KNS | 01 năm | K1, 2 | KNS K1, 2, 3 | |

**7. Cán bộ các tổ**

| Stt | Họ và tên | Chức danh - Nhiệm vụ | Thời gian làm việc |
|---|---|---|---|
| 1 | Phí Thị Thanh Huyền | Khối trưởng khối 1 | |
| 2 | Cấn Thị Hằng | Khối trưởng khối 2 | |
| 3 | Lê Thị Quỳnh | Khối trưởng khối 3 | |
| 4 | Bùi Lan Anh | Khối trưởng khối 4 | |
| 5 | Nguyễn Thị Hiên | Khối trưởng khối 5 | |
| 6 | Nguyễn Thị Hằng | Tổ trưởng tổ Tiếng Anh | |
| 7 | Nguyễn Thị Ngọc Châm | Tổ trưởng tổ Năng khiếu | |
| 8 | Hoàng Thị Nga | Trợ lí ILA | |

**8. Trợ giảng**

| Stt | Giáo viên trợ giảng | Số năm KN | Nhiệm vụ - Thời gian làm việc |
|---|---|---|---|
| 1 | Trần Thị Thư TG TV | | 8/2026 – 11/2026 |
| 2 | Nguyễn Thị Vân Anh TG TV | | 12/2026 – 5/2026 |
| 3 | Nguyễn Thị Ngân trợ giảng TA | GV mới tuyển | |

## 1.2. Cấp THCS

| STT | Họ tên GV | Kiêm nhiệm | GVCN | Môn | Lớp | Số tiết | Môn | Lớp | Số tiết | Môn | Lớp | Số tiết | Môn | Lớp | Số tiết | Tổng số tiết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Văn Quân | | | Toán | 7A5, 7A6, 9A2 | 20 | | | | | | | | | | 20 |
| 2 | Trần Huyền Trang | TT tổ KHTN / NT toán 8 | 8A4 | Toán | 8A4, 9A3 | 14 | | | | | | | | | | 14 |
| 3 | Phạm Hồng Nhi | NT toán 9 | | Toán | 8A2, 8A3, 9A1 | 21 | | | | | | | | | | 21 |
| 4 | Trần Thị Hoa | NT toán 7 | 7A1 | Toán | 7A1, 8A1, 8A5 | 20 | | | | | | | | | | 20 |
| 5 | Phạm Việt Cường | | | Toán | 7A3 | 7 | Công nghệ | Khối 6, 8 | 12,5 | | | | | | | 19,5 |
| 6 | Bùi Duy Hà | | | Toán | 6A2 | 7 | Công nghệ | Khối 7, 9 | 12 | | | | | | | 19 |
| 7 | Vũ Thị Oanh | NT toán 6 | 6A4 | Toán | 6A4, 6A5, 9A4 | 20 | | | | | | | | | | 20 |
| 8 | Nguyễn Thị Oanh | | 6A3 | Toán | 6A3, 7A4 | 14 | | | | | | | | | | 14 |
| 9 | Nguyễn Thị Sơn | | | Toán | 6A1, 7A2 | 14 | | | | | | | | | | 14 |

| STT | Họ tên GV | Kiêm nhiệm | GVCN | Môn | Lớp | Số tiết | Môn | Lớp | Số tiết | Môn | Lớp | Số tiết | Môn | Lớp | Số tiết | Tổng số tiết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Đỗ Phương Thảo | | | KHTN (Vật lí) | Toàn cấp | 20 | | | | | | | | | | 20 |
| 11 | Nguyễn Quang Trung | | | KHTN (Hóa học) | Toàn cấp | 20 | | | | | | | | | | 20 |
| 12 | Lê Thị Bảo Thoa | | 7A3 | KHTN (Sinh học) | Khối 6, 7 | 20 | | | | | | | | | | 20 |
| 13 | Nguyễn Thị Vân | | 9A3 | KHTN (Sinh học) | Khối 8, 9 | 20 | | | | | | | | | | 20 |
| 14 | Nguyễn Thị Lý | | | Tin học | Khối 7, 8, 9 | 15 | | | | | | | | | | 15 |
| 15 | Đỗ Hoài Phương | | 6A1 | Văn | 6A1, 6A3, 9A3 | 17,5 | | | | Đọc sách thư viện | 6A1, 6A3, 9A3 | 3 | | | | 20,5 |
| 16 | Đặng Thị Hoa | | 7A4 | Văn | 7A3, 7A4, 8A5 | 16 | | | | Đọc sách thư viện | 7A3, 7A4, 8A5 | 3 | | | | 19 |
| 17 | Nguyễn Dương Ly Na | NT văn 7 | 7A2 | Văn | 7A2, 7A5 | 10 | GDĐP | Khối 7 | 6 | Đọc sách thư viện | 7A2, 7A5 | 2 | Đọc viết sáng tạo | | 2 | 20 |
| 18 | Nguyễn Thị Minh | NT văn 6, 8 | | Văn | 6A5, 8A2 | 10,5 | GDĐP | Khối 9 | 4 | Đọc sách thư viện | 6A5, 8A2 | 2 | | | | 16,5 |

| STT | Họ tên GV | Kiêm nhiệm | GVCN | Môn | Lớp | Số tiết | Môn | Lớp | Số tiết | Môn | Lớp | Số tiết | Môn | Lớp | Số tiết | Tổng số tiết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | Phạm Thị Mỹ Việt | NT văn 9 | 8A1 | Văn | 8A1, 8A4, 9A2 | 16,5 | | | | Đọc sách thư viện | 8A1, 8A4, 9A2 | 3 | Đọc viết sáng tạo | | 1 | 20,5 |
| 20 | Trần Thị Mỹ | | 8A3 | Văn | 7A1, 8A3 | 11,5 | Lịch sử | Khối 8 | 7,5 | Đọc sách thư viện | 7A1, 8A3 | 2 | | | | 21 |
| 21 | Trần Thị Nhật Ánh | | 9A1 | Văn | 6A2, 6A4, 9A1 | 17,5 | | | | Đọc sách thư viện | 6A2, 6A4, 9A1 | 3 | | | | 20,5 |
| 22 | Nguyễn Thị Quỳnh Anh | | 7A6 | Văn | 7A6, 9A4 | 9 | | | | Đọc sách thư viện | 7A6, 9A4 | 2 | Đọc viết sáng tạo | | 1 | 12 |
| 23 | Trương Anh Thùy | | 7A5 | Tiếng Anh | 7A5, 8A4 | 18 | | | | | | | | | | 18 |
| 24 | Phùng Thị Dung | Tổ phó Tổ TA THCS | 8A5 | Tiếng Anh | 6A4, 8A5 | 18 | | | | | | | | | | 18 |
| 25 | Trần Thị Hương Lan | | 9A2 | Tiếng Anh | 8A3, 9A2 | 16 | | | | | | | | | | 16 |
| 26 | Lương Thị Yên | | 9A4 | Tiếng Anh | 8A1, 9A4 | 18 | | | | | | | | | | 18 |
| 27 | Nguyễn Thị Trinh | | | Tiếng Anh | 7A3, 7A6 | 16 | | | | | | | | | | 16 |
| 28 | Ngô Thị Thu Ngân | | | Tiếng Anh | 6A1, 7A4 | 16 | | | | | | | | | | 16 |
| 29 | Nguyễn Thanh Thương | | | Tiếng Anh | 6A3, 7A1 | 16 | | | | | | | | | | 16 |

| STT | Họ tên GV | Kiêm nhiệm | GVCN | Môn | Lớp | Số tiết | Môn | Lớp | Số tiết | Môn | Lớp | Số tiết | Môn | Lớp | Số tiết | Tổng số tiết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 30 | Nguyễn Thị Ngọc Mai | | 6A2 | Tiếng Anh | 6A2, 7A2 | 16 | | | | | | | | | | 16 |
| 31 | Kim Thị Yến | | 8A2 | Tiếng Anh | 8A2, 9A3 | 16 | | | | | | | | | | 16 |
| 32 | Vũ Thị Thùy Linh | TPT / TT tổ Năng khiếu | 6A5 | Tiếng Anh | 6A5, 9A1 | 18 | | | | | | | | | | 18 |
| 33 | Nông Thị Nương | | | HĐTN | Khối 6 | 5 | | | | | | | | | | 5 |
| 34 | Nguyễn Phương Thảo | | | HĐTN | Khối 7, 8, 9 | 15 | | | | | | | | | | 15 |
| 35 | Bùi Thị Huyền Trang | | | Địa lí | Khối 6, 8, 9 | 21 | | | | | | | | | | 21 |
| 36 | Trần Thanh Hương | | | Địa lí | Khối 7 | 9 | GDĐP | Khối 6, 8 | 10 | | | | | | | 19 |

| STT | Họ tên GV | Kiêm nhiệm | GVCN | Môn | Lớp | Số tiết | Môn | Lớp | Số tiết | Môn | Lớp | Số tiết | Môn | Lớp | Số tiết | Tổng số tiết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 37 | Nguyễn Phúc Lai | | | Âm nhạc | Khối 6, 7, 8 | 16 | | | | | | | | | | 16 |
| 38 | Vũ Thị Hồng Vân | | | Âm nhạc | Khối 9 | 4 | | | | | | | | | | 4 |
| 39 | Nguyễn Doãn Đại | | | GDTC | Khối 6, 7 | 20 | | | | | | | | | | 20 |
| 40 | Nguyễn Đắc Vinh | | | GDTC | Khối 8, 9 | 20 | | | | | | | | | | 20 |
| 41 | Bùi Hà Trang | | | Mỹ thuật | Toàn cấp | 20 | | | | | | | | | | 20 |
| 42 | Nguyễn Thị Tuyết Trinh | | | Lịch sử | Khối 6, 7, 9 | 22,5 | | | | | | | | | | 22,5 |
| 43 | Lê Thị Ánh Ngọc | | | Tin học | Khối 6 | 5 | | | | | | | | | | 5 |
| 44 | Dương Mai Linh | | | GDCD | Toàn cấp | 20 | | | | | | | | | | 20 |

**2. Về tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động của tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh**

| Tuần | Thời gian | Lớp | Nội dung sinh hoạt | Phụ trách nội dung, phân công công việc và lực lượng phối hợp |
|---|---|---|---|---|
| **Tuần** | **Học kỳ I** | | | |
| 3 | 5/9/2026 | Toàn trường | Lễ khai giảng | Đoàn TN, GVCN, GVBM |
| 7 | 20/11/2026 | Toàn trường | Chào mừng Ngày Giải phóng Hà Đông, Kỉ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam | Đoàn TN, GVCN, GVBM |
| 13 | 20/11/2026 | Toàn trường | Kỉ niệm Ngày Nhà giáo Việt Nam | Đoàn TN, GVCN, GVBM |
| 17 | 22/12/2026 | Toàn trường | Kỉ niệm Ngày Thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam | Đoàn TN, GVCN, GVBM |
| **Tuần** | **Học kỳ II** | | | |
| 21 | 03/2/2027 | Toàn trường | Hội chợ xuân; Mừng Đảng mừng Xuân | Đoàn TN, GVCN, GVBM |
| 30 | 26/3/2027 | Toàn trường | Kỉ niệm Ngày Thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh | Đoàn TN, GVCN, GVBM |
| 35 | 15/5/2027 | Toàn trường | Mừng sinh nhật Bác; Ngày Thành lập Đội TNTP | Đoàn TN, GVCN, GVBM |

**3. Nội dung sinh hoạt chuyên đề các tổ**

- Tổ KHXH

| STT | Nhóm thực hiện | Tên chuyên đề | Thời gian | Người thực hiện |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Lịch sử - Địa lí | Theo dấu chân mở cõi (Công cuộc khai phá vùng đất phía Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII) | Tuần 3 tháng 9 | |

| STT | Nhóm thực hiện | Tên chuyên đề | Thời gian | Người thực hiện |
|---|---|---|---|---|
| 2 | Ngữ văn 6 | Nâng cao kĩ năng viết và đọc hiểu của HS THCS | Tuần 3 tháng 10 | |
| 3 | Ngữ văn 9 | Nâng cao kĩ năng viết và đọc hiểu của HS THCS | Tuần 3 tháng 11 | |
| 4 | Ngữ văn 7 | Nâng cao kĩ năng viết và đọc hiểu của HS THCS | Tuần 2 tháng 3 | |
| 5 | Ngữ văn 8 | Nâng cao kĩ năng viết và đọc hiểu của HS THCS | Tuần 2 tháng 2 | |

- Tổ KHTN

| TT | Nhóm thực hiện | Tên chuyên đề | Thời gian | Người thực hiện |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Toán 9 | Dạng bài tìm giá trị của biến để biểu thức có giá trị nguyên trong bài toán căn thức bậc hai trong đề thi vào 10 THPT | Tuần 13 Tháng 11 | Nguyễn Văn Quân |
| 2 | Toán 7 | Ứng dụng của tam giác bằng nhau trong kiến trúc và đời sống | Tuần 14 Tháng 11 | Phạm Việt Cường |
| 3 | Toán 8 | Phát triển năng lực và phẩm chất HS thông qua chuyên đề: Quản lý tài chính cá nhân dành cho HS lớp 8 | Tuần 15 Tháng 11 | Phạm Hồng Nhi |
| 4 | Tin học 8 | Đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh theo hướng phát triển phẩm chất năng lực qua bài "Sử dụng bảng tính giải quyết bài toán thực tế" | Tuần 20 Tháng 12 | Nguyễn Thị Lý |
| 5 | Toán 6 | Khám phá ứng dụng của tỉ số phần trăm trong cuộc sống | Tuần 25 Tháng 2 | Nguyễn Thị Oanh |
| 6 | KHTN 8 | Từ bài học "Sinh sản ở người" đến bản lĩnh công dân số: Trang bị kiến thức – Bảo vệ bản thân – Kiến tạo tương lai | Tuần 25 Tháng 2 | Lê Thị Bảo Thoa |
| 7 | Công nghệ 7 | Ứng dụng STEM vào trong dạy học công nghệ 7 | Tuần 28 Tháng 3 | Bùi Duy Hà |

- Tổ Tiếng Anh

| STT | Khối lớp | Tên chuyên đề | Thời gian | Người thực hiện |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 9 | Phonetics and stress | Tháng 9/2026 | đ/c Yên, Lan, Linh |
| 2 | 6 | Dictation and Draw | Tháng 11/2026 | (đ/c Ngân, Mai) |
| 3 | 7 | Giving advice | Tháng 1/2027 | đ/c Trinh, Thương |
| 4 | 8 | Word formation | Tháng 3/2027 | đ/c Dung, Thùy, Yến |

- Tổ Năng khiếu

| STT | Nhóm thực hiện | Tên chuyên đề | Chuyên đề cấp | Thời gian | Người thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | GDTC 9 | | Trường | Học kì 1 | Nguyễn Doãn Đại |
| 2 | Nghệ thuật (Âm nhạc 6) | | Trường | Học kì 1 | Vũ Thị Hồng Vân |
| 3 | Nghệ thuật (Mĩ thuật 9) | | Trường | Học kì 2 | Bùi Hà Trang |

**4. Bảng phân công giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi**

| TT | Môn | Khối lớp | GV bồi dưỡng | Thời gian (Theo lịch) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Toán 9 | 9 | Trần Huyền Trang | Từ ngày 17/8/2026 |
| 2 | Ngữ văn 9 | 9 | Nguyễn Thị Quỳnh Anh<br>Trần Thị Nhật Ánh | Từ ngày 17/8/2026 |
| 3 | Tiếng Anh 9 | 9 | Lương Thị Yên | Từ ngày 17/8/2026 |
| 4 | GDTC | | Nguyễn Đắc Vinh<br>Nguyễn Doãn Đại | |
| 5 | Khoa học tự nhiên 9 | 9 | Đỗ Phương Thảo, Nguyễn Quang Trung, Nguyễn Thị Vân | Từ ngày 17/8/2026 |
| 6 | Lịch sử - Địa Lý 9 | 9 | Nguyễn Thị Tuyết Trinh | Từ ngày 17/8/2026 |
| 7 | Tin học 9 | 9 | Nguyễn Thị Lý | Từ ngày 17/8/2026 |

**5. Bảng phân công ôn tập cho học sinh lớp 9 thi vào lớp 10 THPT**

| TT | Môn | Khối lớp | GV dạy | Thời gian |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Toán | 9 | Trần Huyền Trang, Vũ Thị Oanh, Phạm Hồng Nhi, Nguyễn Văn Quân | Theo Công văn hướng dẫn của PVH-XH |
| 2 | Ngữ văn | 9 | Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Phạm Thị Mỹ Việt, Đỗ Hoài Phương, Trần Thị Nhật Ánh | Theo Công văn hướng dẫn của PVH-XH |
| 3 | Môn thứ 3 | 9 | Phân công khi được thông báo môn thi thứ 3 | Theo Công văn hướng dẫn của PVH-XH |

**XÁC NHẬN CỦA PHÒNG VĂN HOÁ – XÃ HỘI PHƯỜNG**